

TÂY PHƯƠNG YẾU QUYẾT

Thích Nghi Thông Quy

Đại Từ Ân tự, Sa-môn Khuy Cơ *tuyển soạn*
Viết dịch: *Thích Nguyên Hùng*

Lời dẫn

Ngưỡng duy Đức Phật Thích-ca khai vận, hoằng dương đạo mầu làm lợi ích cho kẻ có duyên. Giáo pháp xiển dương đến đâu chúng sanh ở đó đều được thấm nhuần pháp vị. Những ai phước lớn, được gặp Thế Tôn giáo hoá thì chúng đạo tam thừa. Những kẻ phước mỏng, mới tu thì khuyến khích quay về Tịnh độ. Để tạo cái nghiệp nhân thù thắng quay về Tịnh độ thì phải chuyên niệm Phật A-di-đà, đem hết những căn lành hồi hướng cầu vãng sanh về Tịnh độ. Đức Phật Di-đà vốn có thệ nguyện độ hết chúng sanh ở chốn Ta-bà. Nếu người nào suốt đời niệm Phật, cho đến phút chót lâm chung còn nhớ niệm mười niệm, thì chắc chắn được vãng sanh Cực Lạc.

Ngày nay, những người học đạo thường hay ôm lòng hoài nghi, tìm trong kinh luận thấy có những đoạn văn mâu thuẫn, trái ngược nhau, nếu không đả thông thì những mối nghi này không sao chấm dứt. Vì vậy, để khơi thông mạch nguồn, khiến cho trí thức thêm mở, biện tài thêm thông, và mong sao ai nấy đều được tỏ ngộ, xin lược nêu ra đây mười bốn câu nghi vấn cùng với lời giải thích.

1

Kinh *Kim cương Bát-nhã*¹ nói rằng: Nếu thấy Như lai qua hình sắc, hoặc tìm Như Lai qua âm thanh, thì những người ấy đã đi lạc đường, không bao giờ thấy được Như Lai.

Hỏi:

Kinh *Kim cương Bát-nhã* nói rằng nếu lấy sắc tướng hoặc âm thanh để nhận thức Như Lai, thì người ấy đang hành tà đạo. Trong khi đó, kinh *Di-đà* và các kinh khác của Tịnh độ lại dạy quán thân tướng Như Lai, còn dạy phải niệm danh hiệu Phật, tức là không lìa thanh sắc mà cầu Phật, như vậy không phải là đang hành tà đạo hay sao? Nếu quay về con đường chân chánh, thì Tịnh độ là chỗ có thể nương nhờ, nhưng kinh *Kim cương* lại cho đó là tà đạo, thật khiến cho lòng người hoang mang, không khỏi lo sợ rơi vào ma cảnh. Đúng là băng khuâng đứng giữa đôi đường, chẳng biết làm sao lựa chọn cho đúng, mong nhờ tháo gỡ mối nghi này!

Đáp:

Đức Đại đạo sư thuyết pháp, mở bày rất nhiều cửa phương tiện, ý nghĩa vô cùng, cốt để phù hợp căn cơ và thời điểm thích ứng, nhưng trước sau chỉ có một vị bình đẳng giải thoát chứ

¹ Kinh Kim cương Bát-nhã (S. Vajracchedikā-prajñāpāramitā-sūtra), 1 quyển, Cửu-ma-la-thập dịch, ĐTK/ĐCTT 8, số 0235.

không có nghĩa lý nào sai khác. Kinh *Bát-nhã* là một pháp môn, mà kinh *Di-đà* cùng với những kinh khác của Tịnh độ cũng đồng một lý. Vì sao? Tất cả chư Phật đều có ba thân, là Pháp thân, Báo thân và Ứng thân. Pháp thân Phật thì không hình không thể, không hình sắc âm thanh, nếu lấy hình sắc, âm thanh để tìm cầu Pháp thân Phật, thì đó là tà đạo. Chẳng hạn như hàng Thanh văn nhị thừa và Bồ-tát tiểu thừa khi nghe nói ba thân của Phật vốn không khác thì liền nghĩ rằng cả ba thân Phật đều cùng có hình sắc, âm thanh; cho nên chỉ mới nhìn thấy sắc tướng của Hóa thân Phật bèn nghĩ rằng Pháp thân của Phật cũng như thế, rồi bèn dùng sắc tướng của Hóa thân mà tìm cầu mong thấy Pháp thân. Pháp thân Phật vốn diệu lý tinh vi, tuyệt đối lìa khỏi hình sắc âm thanh, vậy mà lấy hình sắc âm thanh để suy lường, cho nên mới nói là tà đạo.

Còn kinh *Di-đà* và các kinh khác của tông Tịnh độ dạy mọi người niệm danh hiệu Phật, quán tướng hảo của Phật để cầu sanh Tịnh độ là bởi vì chúng sanh phàm phu nghiệp chướng nặng nề, Pháp thân Phật sâu kín, vi diệu, pháp thể khó duyên, nên dạy họ niệm Phật, quán tướng hảo, lễ lạy, tán thán hồng danh Đức Phật để cho nghiệp đoạn phước sanh, nguyện hạnh nương nhau, cầu sanh Tịnh độ, mong nhờ được gặp Hóa thân của Phật, làm cái duyên lành bất thoái. Cho nên, người đời trước hết phải thông hiểu, sau đó y theo

lời dạy này, quán tướng hảo và niệm danh hiệu Phật, cầu thấy được Hóa thân, đến lúc mạng chung, Hóa thân Phật đích thân đến tiếp dẫn, liền cảm được hóa chủ A-di-đà rũ lòng tiếp độ, báo thân xả bỏ, lên toà liên hoa, tức sanh cõi Phật. Tâm trước cảnh sau, thấy đều khế hợp. Niệm danh quán tướng, đâu phải là tà! Còn nếu như cứ chấp nhất mãi một điều này, không ngộ được tâm ý chư Phật, nhiều lời phân vân, khiến mất phần cảm ứng. Dựa vào yếu quyết này, trắng đen đã rõ ràng. Do dự thì mất phần! Hãy nhanh chóng quay tâm về nẻo thiện, nắm lấy cái nghiệp duyên thù thắng này, chớ sanh lòng loạn tưởng mà rơi lại trong tam đồ chịu muôn ngàn nỗi khổ bức bách, khi ấy hối hận làm sao kịp?

2

Kinh *Phật tạng*¹ ghi: Nếu Tỳ-kheo nào thấy có Phật, Pháp, Tăng và Giới để thọ trì, thì người ấy là quyền thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Ta (Phật), Ta chẳng phải là thầy của người ấy, người ấy không được Ta nhiếp thọ.

Hỏi:

Kinh *Phật tạng* nói rằng, người nào thấy Phật ở ngoài tâm thì người ấy là quyền thuộc của ma, Phật chẳng phải là thầy của người ấy, người

¹ Kinh Phật tạng, 3 quyển, 10 phẩm, do Cưu-ma-la-thập dịch, còn gọi là Phụng nhập long hoa kinh, Tuyển trích chư pháp kinh, ĐTK/ĐCTT 15, số 0653.

ấy chẳng phải đệ tử của Phật. Nhưng pháp môn Tịnh độ thì dạy mọi người chuyên tâm niệm danh hiệu Phật, quán tướng hảo của Phật, cầu sanh cõi Phật, tức là chẳng phải đệ tử của Phật, Phật chẳng phải là thầy của những người ấy, thì làm sao được Phật hộ niệm vãng sanh Tịnh độ? Cả hai kinh trên đều là lời Phật dạy, nhưng lại trái ngược nhau, làm sao thực hành?

Đáp:

Phật dạy vô lượng pháp môn sai biệt, nhưng tất cả đều quy về nhất thể. Bởi tùy theo căn cơ khác nhau mà phân biệt ra nhiều nghĩa, nói ra nhiều lời. Thấm sát lại hai kinh trên, văn từ tuy trái nhau nhưng nghĩa lý thì chỉ có một. Vì sao? Vì Phật, Pháp, Tăng và Giới có ba loại bất đồng. Một là chân đế. Hai là biệt tướng. Ba là trụ trì.

- *Chân đế*: Chân như thể tánh vốn thanh tịnh, nhị chương¹ không còn, bản giác vốn viên minh, tức là chân Phật. Giữ tánh không đổi, làm khuôn mẫu pháp tắc để thành tựu thắng trí, là nhân duyên để trở thành như bậc Đại sĩ, muôn hạnh từ đó mà ra, thì gọi là chân Pháp. Thanh tịnh hòa hợp, dứt sự tranh cãi, đó là chân Tăng. Tánh thanh tịnh, trang nghiêm, thể vô nhiễm, tức là chân Giới. Cứ vào nghĩa tối thắng đã nêu trên nên gọi là Chân đế. *Kinh Niết-bàn* nói: “Nếu có thể quán chiếu Tam bảo thường trụ đồng với

¹ Nhị chương: phiền não chương và sở tri chương.

Chân đế, thì đây chính là thệ nguyện tối thượng của chư Phật”. Nghĩa câu kinh này là chỉ cho Tam bảo Chân đế vậy.

- *Biệt tướng*: Phật có ba thân, là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Pháp có bốn loại, là Lý, Giáo, Hạnh và Quả. Tăng có hai loại, là Tăng hữu vi và Tăng vô vi. Giới thì có giới cho người tại gia, giới cho người xuất gia. Người thực hành tu đạo phải biết nguyên tắc của giới luật là chỉ trì và tác trì¹, đó là nguyên tắc của tất cả mọi điều giới luật vậy!

Nhưng tu theo biệt tướng chỉ là bước chân khởi đầu cho sự chứng ngộ Chân đế. Chỉ biết có biệt tướng, rồi bèn chấp vào đó cho là cứu cánh thì không thể ngộ được chân nguyên². Tất cả các học giới đều là những pháp hỗ trợ cho việc tu đạo, không phải là cứu cánh.

Danh tướng của Phật chỉ là sự ứng hiện, không phải là chân thật, dùng để tiếp dẫn hạng phàm phu, phương tiện làm nhà nghỉ chân (hóa

¹ Chỉ trì : Chỉ là dừng lại, là kiềm chế , không cho thân, khẩu làm các điều ác. Nhờ vào chỉ mà bảo trì được giới thể, nên gọi là chỉ trì. Chỉ trì giới dạy cho mọi người chớ làm các việc ác (chư ác mạc tác). Tác trì: Tác là tạo tác, tức khích lệ thân, khẩu và ý tạo tác các thiện nghiệp. Nhờ vào tác mà bảo trì được giới thể, nên gọi là tác trì. Tác trì giới dạy mọi người làm tất cả các việc thiện (chúng thiện phụng hành).

² Ở đây muốn nói, giới luật hay pháp môn tu học là phương tiện để đạt được cứu cánh giải thoát, chứ giới luật, pháp môn không phải là cứu cánh.

thành dụ) mà thôi. Kẻ phàm ngu không hiểu cứ vin chấp vào đó cho là chân thật, vì vậy Phật mới quả trách, gọi là quyền thuộc của ma. Những ai tự cho mình là đứa con đích thực của Như Lai thì cần phải liễu đạt được nhị không¹, xa hơn nữa là khế nhập thể tánh như như, được vậy mới tròn bổn nguyện của mình. Chứ cứ mãi chấp nơi danh tướng, không ngộ pháp chân không thì chắc chắn đi vào xứ sở của ma, xa Phật trái Pháp.

Muốn vượt qua âm ma² thì phải nhờ vào pháp thân thường trụ. Muốn đoạn trừ phiền não chướng³ ắt phải cậy nhờ vào pháp không. Muốn ra khỏi cõi giới của thiên ma thì phải nhờ sức mạnh của lòng từ. Muốn thoát khỏi tử ma thì phải dùng công phu định thần túc⁴. Xem kỹ bốn phương pháp trên thì ngoài bậc Đại thánh ra không ai có thể làm được. Hàng phục bốn ma đâu phải sức của hạng hạ lưu phàm tình có thể gánh vác?!

¹ Nhị không: Nhân không và Pháp không.

² Âm ma, tức uẩn ma, hay ngũ ấm ma, Phạn skandha-māra, chỉ cho ngũ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức tích tụ mà thành cái quả khổ sanh tử, đoạt mất tuệ mạng.

³ Phiền não chướng (S. kleśāvaraṇa): Những phiền não làm chướng ngại Thánh đạo, như tham, sân, si, mạn, nghi...

⁴ Luận Đại Trí Độ, ghi: Chúng đắc Bồ-tát đạo thì phá được ma phiền não. Chúng tự tánh Pháp thân thì phá được ma ngũ ấm. Chúng đạo và chúng tự tánh Pháp thân thì phá được tử ma (ma chết). Thể nhập Bất động tam-muội thì phá được Thiên ma (gọi đủ là Tha hóa tự tại thiên tử ma).

Nếu không nương nhờ vào pháp cứu cánh thì không có cách gì để cắt đứt được lưới ái, buộc ý nghĩ quay về nẻo chính. Sự tán loạn trong đường tái sinh, điên đảo lúc nhập thai, cho nên Phật dạy kẻ phàm lưu phải học quán cho vững chắc.

Ngược lại, nếu nhớ nghĩ Tây phương, lại cầu bất thoái, được sanh về hóa độ, thấy hóa thân của Phật, hóa chủ đề huề, chứng vô sanh nhẫn, pháp giới bình đẳng, liễu đạt phân minh, nhờ công đức và thần lực này mà diệt sạch lưới ma, gần thì vượt khỏi tam giới, xa thì chứng quả bồ-đề. Nếu không tu tập theo cách này thì sẽ trở lại trầm luân trong ác thú, chịu khổ lâu dài, chẳng biết đến bao giờ mới được giải thoát.

Xem rõ hai cái nhân tu tập này rồi, thấy có sự sai khác nhưng không có sự trái ngược nhau, đừng nên theo cái thấy một chiều của mình rồi chấp trước sanh nghi ngờ. Ai thuận theo pháp môn căn bản này thì nên nhớ nghĩ thế giới Tịnh độ, khi từ bỏ thế giới này sẽ thoát khỏi luân hồi.

Hãy nghiệm kỹ pháp môn mà mình đang thực hành, quán về cái nhân đang tu tập, thì thấy có sâu cạn khác nhau, rồi tự cân nhắc lợi ích thù thắng. Một khi đã rõ nhân, nhớ lý, thì thấy tất cả bốn nguyên chẳng có gì sai khác.¹

¹ Trên nói có chân đế, biệt tướng, trụ trì, nhưng chỉ thấy trình bày có hai phần, chân đế và biệt tướng.

3

Kinh *Vô lượng thọ*¹ ghi: Tu tập một ngày một đêm ở thế giới này hơn tu tập một trăm năm ở cõi Phật. Kinh *Duy-ma*² cũng nói: Ở thế giới Ta-bà có mười pháp thiện³ mà ở các cõi Phật khác không có. Chẳng hạn như, ở thế giới này chúng ta có thể tu hạnh bố thí cứu giúp kẻ bần cùng, và vân vân...

Hỏi:

Căn cứ theo các kinh trên nói thì tu tập ở thế giới Ta-bà này tốt hơn ở các thế giới khác, vậy tại sao phải khổ cực niệm Phật Di-đà để nguyện cầu vãng sanh thế giới Cực lạc? Bỏ chỗ tốt đi tìm cầu chỗ xấu thì hạnh nghiệp thật khó mà thành tựu. Đứng giữa đôi đường, không biết nên bỏ hay nên giữ thế nào để tu, xin nhờ soi sáng!

¹ Kinh *Vô lượng thọ*, nói đủ là *Phật thuyết Vô lượng thọ kinh*, (S. Aparimitāyur-sūtra), 2 quyển, Khương Tăng Khải (Saṃghavarman) dịch, ĐTK/ĐCTT 12, số 360.

² Kinh *Duy-ma*, nói đủ là *Duy-ma-cật sở thuyết kinh* (S. Vimalakīrti-nirdeśa-sūtra), 3 quyển, Cửu-ma-la-thập dịch, ĐTK/ĐCTT 14, số 475.

³ Mười pháp thiện: 1. Đem bố thí mà thu phục nghèo nàn, 2. đem tịnh giới mà thu phục phạm giới, 3. đem nhẫn nhục mà thu phục sân hận, 4. đem tinh tiến mà thu phục biếng nhác, 5. đem thiền định mà thu phục loạn ý, 6. đem trí tuệ mà thu phục ngu si, 7. nói các pháp trừ khử tai nạn để cứu vớt những kẻ bị tám nạn, 8. đem pháp đại thừa cứu độ những kẻ ưa thích pháp tiểu thừa, 9. đem thiện căn cứu vớt những kẻ vô phước, 10. đem bốn nhiếp pháp tác thành chúng sanh.

Đáp:

Đảng Thiện Thệ thuyết pháp độ sanh, nào có giữ lại lợi ích cho riêng mình, và tất cả đều hướng đến một mục đích là giải thoát nên về lý chẳng có gì trái nhau. Bởi vì sao? Căn cơ của người tu hành gồm có hai hạng.

Một là hạng người chưa chứng quả bất thoái. Hạng người này ở uế độ rất khó tu hành. Dù muốn tự mình tu hành, phần lớn gặp phải trở duyên chướng ngại. Gặp cảnh thuận nghịch lại phát sanh tâm lý vui, buồn, thương ghét cạnh tranh đua nhau mà sanh khởi, ác nghiệp do đó ngày một thêm tăng, chẳng có cách nào để khắc chế cho được yên thân; vậy là lại rơi vào đường ác.

Hai là hạng người đã có tu nhân trong vạn kiếp trước, đã thành tựu pháp nhẫn, thì có thể kham nhẫn ở thế giới Ta-bà này, có thể làm lợi ích cho chúng sanh. Đây là hạng người đã có thể tự mình tu hành, vì đã thoát khỏi luân hồi, có thể đem mười pháp thiện làm lợi ích cho người khác mà ở các cõi khác không sao bì kịp.

Còn như ở cõi Phật, y báo tinh hoa, đầy đủ chẳng thiếu thứ chi, vật cần dùng liền có ngay tùy theo ý niệm, muốn gì được nấy. Quốc độ đã thành tựu trang nghiêm như thế thì đâu cần bố thí cho ai? Chính việc còn lại cũng chẳng biết để vào chỗ nào. Cho nên, nếu biết mình đã ở vào địa vị bất thoái thì sống ở thế giới này chẳng ai can ngăn

làm gì, tha hồ làm những việc lợi ích cho chúng sanh, hơn hẳn ở các quốc độ của chư Phật.

Người học đạo ngày nay cách thời Phật quá xa, tam độc như lửa dữ thiêu đốt thân tâm, chẳng có được một chút tự tại. Nếu được sanh về cõi Tịnh độ, có thể nhờ vào nhân duyên thù thắng ở cõi ấy, lại nhờ thêm oai lực của chư Phật gia trì, nên sự tu tập mau chóng được quả bất thoái. Đó là lý do vì sao phải cầu sanh Tịnh độ, cốt là để trước hết phải thành tựu cái nhân tự lợi. Căn cứ lời này mà nói thì chẳng có gì sai trái mâu thuẫn.

4

Kinh *Di-lặc vấn*¹ ghi rằng: Pháp môn niệm Phật chẳng phải kẻ phàm phu ngu muội có thể thực hành được, chỉ những ai không còn tạp niệm kết sử² mới được sanh cõi Phật Di-đà.

Hỏi:

Căn cứ vào lời kinh này thì pháp môn niệm Phật chẳng phải kẻ phàm phu ngu muội có thể thực hành được, chỉ những người nào đã diệt trừ

¹ Kinh *Di-lặc vấn*, gọi đủ là Di-lặc Bồ-tát sở vấn bốn nguyên kinh, 1 quyển, Trúc Pháp Hộ dịch, ĐTK/ĐCTT 12, số 349.

² Kết sử: Tên gọi khác của phiền não. Phiền não trói buộc chúng sanh trong sanh tử luân hồi, nên gọi là kết; lại luôn luôn nhiễu loạn thân tâm chúng sanh nên gọi là sử. Kết có 9 thứ: ái, khuể, mạn, vô minh, kiến, thủ, nghi, tật, san. Sử có 10 loại: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến.

được kết sử thì mới thành tựu được tịnh nghiệp niệm Phật. Người tu hành ngày nay phần nhiều là chưa chứng thánh vị, kết sử chưa trừ, thì làm sao được vắng sanh? Như vậy niệm Phật không phải uổng công vô ích hay sao? Lười nghĩ thật là sâu dày, xin nhờ cắt xé giúp cho!

Đáp:

Thế Tôn diễn bày giáo pháp tùy theo căn cơ, ý chỉ rất sâu xa khó mà triệt ngộ, tuyệt diệu vô cùng, người tỏ ngộ, đạt được ý chỉ rất là ít, cho nên thủ xả không tường, lại sanh nghi ngờ và chấp trước. Vì sao? Phật dạy tịnh nghiệp niệm Phật thật ra đều là giành cho kẻ phàm phu cả. Tuy nhiên, những người tin sâu nhân quả, há đâu phải là người ngu! Nay xin giải thích hai chữ phàm và ngu, có bốn trường hợp sau đây.

- Một là phàm mà không ngu. Đó là những người phàm phu đã quay về con đường lương thiện, cho đến hạng người đã tu tập lên đến hàng Thập tín¹. Những người này chưa được tương tự duy thức trí², cho nên gọi là phàm, nhưng vì đối với chân đế

¹ Thập tín, còn gọi là Thập tín tâm, gồm: Tín tâm, Niệm tâm, Tinh tấn tâm, Định tâm, Tuệ tâm, Giới tâm, Hồi hướng tâm, Hộ pháp tâm, Xả tâm, Nguyên tâm.

² Làm thế nào có thể xa lìa được nhận thức nhị biên này? Do nương nơi ý thức mà có trí duy thức. Trí duy thức là trí có bản thể không nhiễm trần. Nếu thành tựu được trí duy thức thì trí này có thể trở lại làm mất tác dụng ý thức tự bốn. Vì sao vậy? Bởi vì bụi trần không có tự thể, nên ý thức vốn không sanh. Vì

(Tứ đế) và pháp duyên khởi đã có niềm tin sâu sắc, có thể vận tâm thủ xả, điều hại điều lợi đều biết phân biệt, cho nên chẳng thể gọi là ngu.

- Hai là ngu mà chẳng phạm. Đó là những người từ hàng Thập giải¹ lên đến hàng Bồ-tát. Những hạng người này đối với cảnh chân như vì chưa chứng kiến cho nên gọi là ngu, nhưng đã đạt được tương tự vô lậu trí², tức biết rõ hai thứ vô ngã³, không còn trôi theo dòng sanh tử như kẻ

ý thức vốn bất sanh, cho nên cái gọi là duy thức cũng tự diệt. Ý thức như nhà ảo thuật. Trí duy thức như con hổ được tạo ra từ nhà ảo thuật. Do ý thức mà sanh ra duy thức. Khi đã thành tựu duy thức quán, có thể trở lại làm tiêu mất ý thức. Vì sao vậy? Bởi sự nhiễm trần vốn là không. Ý thức vốn không sanh. Giống như con hổ giả tạo trở lại nuốt nhà ảo thuật. (Phật tánh luận, quyển thứ 4, Bồ-tát Thiên Thân tạo, Chân Đế dịch, ĐTK/ĐCTT 31, số 1610).

¹ Thập giải, tức Thập giải thoát: Bồ tát đã thoát ly được 10 tướng trói buộc, gồm: 1. Giải thoát phiền não, 2. Giải thoát tà kiến, 3. Giải thoát địa ngục, 4. Giải thoát ẩm, giới, nhập, 5. Giải thoát khỏi địa vị Thanh văn, Duyên giác, 6. Vô sanh pháp nhẫn giải thoát, 7. Không vướng mắc vào hết thảy quốc độ Phật, hết thảy chúng sanh và hết thảy các pháp giải thoát, 8. Trụ nơi vô lượng vô biên chư Bồ tát trú giải thoát, 9. Xa lìa nhất thiết Bồ tát hành trụ Như lai địa giải thoát, 10. Ở trong một niệm có khả hiểu hết các pháp trong ba đời giải thoát.

² Vô lậu trí (S. anāsava-jñāna): trí tuệ thanh tịnh, trí tuệ vô lậu, không còn phiền não nhiễm ô.

³ Hai thứ vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Nhân vô ngã: Liễu tri được thân người do hợp thể ngũ uẩn tạo thành, không có một cái ngã thể tự chủ tự tại, quán chiếu như thể để đoạn trừ phiền não chướng và mà chứng đắc niết bàn. Pháp vô ngã: Liễu tri chư pháp đều do duyên sanh, chẳng có tự tánh thật

phàm phu nữa, nên gọi chẳng phải phàm. Lại nữa, từ Bồ-tát sơ địa trở lên, trong quá trình tiến tu còn bị vô minh chướng ngại, cho nên gọi là ngu, nhưng vì đắc được thánh pháp nên cũng chẳng thể gọi là phàm.

- Ba là vừa phàm vừa ngu. Những người chưa biết quay về nẻo thiện, tất cả những chúng sanh chưa thuận theo thánh lý, cho nên gọi là phàm. Hạng người này cũng chẳng tin nhân quả, nên gọi là ngu.

- Bốn là chẳng phải phàm cũng chẳng phải ngu. Đó là bậc Như lai Thánh trí tròn đầy, nhị chướng đã dứt sạch.

Phàm còn có nghĩa là trôi nổi. Dù cho có dùng điều nhân đức để sửa trị thế gian, nhưng không phân biệt được điều hơn lẽ thiệt, nên chết đây sanh kia, trôi lăn trong sanh tử, vì vậy mà cùng một hàng với phàm phu cả.

Còn những kẻ tới lui trong nẻo ác đường thiện mà không phân biệt được tội nặng tội nhẹ thì đều là hạng ngu si hết.

Nay muốn vãng sanh Tịnh độ, người tạo nghiệp phải biết thế giới Ta-bà này đầy đầy những khổ đau, để sanh lòng chán ghét, chẳng thể ở lâu. Nghe nói Tây phương vui sướng vô cùng, lòng

thể, quán chiếu như thế để đoạn trừ sở tri chướng mà đến địa vị Bồ tát. Trí tuệ thấu triệt được hai lý này gọi là Nhị vô ngã trí.

thành chuyên chú, thệ nguyện sanh về đó, chẳng chút nghi ngờ. Đã có thể mãi mãi dập tắt dòng sông khổ đau, vĩnh viễn giả từ thế giới nhiễm ô, mà lại tùy ý vãng sanh nữa, thì đâu phải chỗ nông cạn! Chỉ cần chuyên lòng niệm Phật cầu sanh Tây phương cực lạc, thì đạo vô sanh có thể ngộ, tương lai sẽ thành Phật. Ý muốn rộng độ pháp giới chúng sanh cho nên mới vận tâm này, quyết định sanh về cõi diệu. Có sự hiểu biết như vậy, đâu phải là ngu!

Nói không còn kết sử, thì phải biết sử có 10 sử, kết có 9 kết¹. Tâm niệm Phật là thức thứ 6, tức tâm vương đã khởi niệm chân chính. Khi muốn làm việc ác thì kết sử phiền não mới có cơ hội phát sanh. Còn lúc chánh niệm niệm Phật, thì bấy giờ tâm đã tương ưng với 5 tâm sở biến hành, 5 tâm sở biệt cảnh, cùng với 11 tâm sở thiện², không khuấy động các kết, cho nên chẳng có cơ hội để phát khởi phiền não. Tâm duyên cảnh khác, tức là tạp niệm, vọng tưởng, kết sử mới sanh. Còn

¹ 10 sử là mười thứ phiền não căn bản, thúc đẩy hay sai khiến chúng sanh làm điều bất thiện, gồm tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến.

9 kết là 9 thứ phiền não trói buộc chúng sanh, tạo nghiệp luân hồi trong ba cõi, gồm ái, khuể, mạn, vô minh, kiến, thủ, nghi, tật, san.

² 5 tâm sở biến hành: xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư. 5 tâm sở biệt cảnh: dục, thắng giải, niệm, định, huệ. 11 tâm sở thiện: tín, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô si, cần, an, bất phóng dật, hành xả, bất hại.

lúc chuyên chú nhớ nghĩ đến Phật thì kết sử được nhiếp phục, ngũ yên, cho nên kinh mới nói “không còn tạp niệm kết sử”! Người niệm Phật nguyện cầu vãng sanh Tịnh độ thì không nên nói tạp, bởi vì kết sử chưa đoạn, cho nên tạp niệm dễ sanh. Nếu đã diệt trừ được kết sử, thì tạp niệm không sanh được nữa. Niệm Phật tâm sẽ được thanh tịnh, tánh của nó trái với kết sử. Tâm đã chánh niệm niệm Phật, thì các kết sử không thể hiện hành. Tuy nhiên có lúc niệm Phật bị gián đoạn, không đề phòng, thì nó liền khởi, cho nên không nói là đã diệt hết mà nói là không còn tạp niệm. Chỉ có những bậc Thánh nhân mới đoạn trừ hết phiền não, kết sử.

Nếu quả thật thế giới này đầy đủ sự an ổn thì không cần phải cực khổ niệm Phật để cầu sanh Tịnh độ làm gì.

5

Kinh *Tối thắng diệu định*¹ ghi: Người tạo dựng vô lượng chùa tháp, cũng chẳng bằng người trong một thời gian ngắn giữ tâm tĩnh lặng. Lại nữa, trong các bộ kinh Đại thừa luôn nói đến cái lý vô sanh, khuyên người học đạo phải tu huệ.

Hỏi:

¹ Không tìm thấy nguyên bản, chỉ thấy trích dẫn tương tự trong Kim cương kinh giải nghĩa và Kim cương kinh chú.

Căn cứ các kinh nói trên, thì Phật khen ngợi pháp vô sanh. Trong tất cả các hạnh nghiệp, vô sanh là pháp đặc biệt tối thắng hơn hết. Vậy mà kinh Di-đà và các kinh khác của Tịnh độ lại khuyên người nguyện về Tây phương, chán ghét thế giới Ta-bà, nguyện sanh Tịnh độ. Nhưng sanh là gốc của tai họa, gốc sanh mà hết thì tai họa không còn. Nay pháp môn Tịnh độ dạy người ta bỏ sanh đây cầu sanh bên kia, nghĩa là làm cho thêm lớn cái gốc tai họa. Sao chẳng cầu lấy pháp vô sanh để ngộ lấy pháp thân? Niệm Phật là cầu Phật qua âm thanh sắc tướng, tức là chẳng hiểu được cái nhân của sanh. Giả sử được sanh Tịnh độ, thì ở đó có gì tốt đẹp hơn đây? Chỉ cần quán pháp vô sanh thì cách Phật không xa, vì tâm đây chính là Phật, đâu cần tìm cầu chỗ khác?

Đáp:

Đức Phật tùy duyên mà thuyết pháp, cốt là để lợi sanh. Giáo pháp sở dĩ bất đồng là bởi căn khí trình độ chúng sanh có cao thấp sai biệt. Nay nói về căn khí, lược có hai ý. Một là nghiệp dày, hai là hạnh mỏng. Những kẻ nghiệp (thiện) dày có thể học pháp vô sanh, những người hạnh mỏng phải cầu sanh Tịnh độ.

Luận về sự tạo nghiệp, phạm có hai điều. Một là tạo nghiệp trở lại, hai là tạo nghiệp xuất ly. Nghiệp trở lại có nghĩa là, tuy có học Phật pháp, nhưng chỉ học vì danh vì lợi, chứ chẳng phải học vì sợ sự nguy hiểm của sanh tử ở tương lai, tham

cầu hiểu biết để rồi chấp nhân chấp ngã, tự cao tự đại, cho mình hơn người, mình đúng người sai, không giữ gìn ba nghiệp, miệng nói vô tướng nhưng lại chấp tướng còn hơn ai hết, như lửa cháy bùng bùng, đặt bày học pháp vô sanh nhưng thực chất là làm trò kỹ nghệ; thấy người khác niệm Phật liền nổi sân oán ghét, chê bai, đến nỗi khiến cho người mới tu hành ôm lòng thối thất; miệng nói diệu được nhưng lại sợ chẳng dám uống, ngược lại đi uống những thứ độc được khiến bệnh thêm nặng. Tâm này chính là nghiệp. Một khi tâm đã đi rong, tâm đã không chân thật, chưa thể thấy và giữ được tâm, vậy mà tự cho rằng mình đã liễu giải, nhưng kiểm điểm lại thì chẳng có gì, thế rồi bất giác tuyệt mạng, lại trầm luân trong sanh tử, xun xoe chịu khổ. Giải thoát đâu chưa thấy, đã thấy trở lại trong sáu nẻo, ba đường rồi!

Bây giờ nói đến nghiệp xuất ly, lại có hai cửa, một là vô sanh, hai là hữu tướng.

Người chứng được vô sanh thì giữ lấy cái tâm tĩnh lự để phân biệt rõ ràng các duyên bên ngoài; hai tướng có không đều khéo biết thủ xả, giữ tâm không xao động, không vướng hai bên, miệng nói tâm hành, tuy việc kiểm soát, dù gặp cảnh thuận hay nghịch, tâm vẫn giữ được quân bình, giả dụ như than lửa có đổ vào miệng bắt phải nhai nuốt, lòng vẫn ung dung, chẳng hề ta thán, ăn than uống lửa cũng chẳng khác ăn cơm; đối với mọi cảnh thuận nghịch đều giữ tâm được như thế thì có thể

kham nhẫn ở cõi Ta-bà, ở lâu cũng chẳng bị thôi thất, ngược lại còn có thể cải tạo uế độ này thành Tịnh độ. Người có công lực như vậy tức là đã thành tựu sự xuất ly (ba cõi vậy).

Còn hữu tướng là những người phần nhiều duyên nghiệp nặng nề, quán thực tướng vô tướng rất khó thành tựu, nếu ở mãi trong thế giới này thì càng chất chứa thêm nhiều đau khổ; dầu muốn để nội tâm yên tĩnh, nhưng nó cứ bị ngoại cảnh lôi kéo. Tâm đã chạy theo ngoại cảnh rồi thì cảnh giới vô sanh khó mà tỏ ngộ. Vì vậy phải đem tâm duyên theo Phật hiệu, tưởng nhớ Di-đà, khiến cho không tạo nghiệp ác, nguyện cầu vãng sanh Tịnh độ. Thấy biệt nghiệp của người khác thì khéo lựa lời khen ngợi, tán dương; nghe nói xấu lỗi người mình không sanh tâm khinh khi huỷ báng. Cột tâm vào một chỗ, đó là nghĩ nhớ cõi Tây phương. Ba nghiệp hỗ trợ nhau, nhất định sanh về cõi Phật, cũng thành tựu xuất ly (ba cõi vậy).

Nay coi lại căn cơ của chúng sanh rồi nghiệm xét với lời Phật dạy, thấy người khế hợp đang tu hành, tự cho mình là đã tích nghiệp (thiện) sâu dày, đứng ở vị trí bất thoái, chẳng nhọc phải quán tướng nguyện sanh Tây phương làm gì; còn những người hạnh mỏng thì chưa thoát khỏi sự trôi lăn sanh tử. Tuy nhiên, quả vị vô sanh có chứng mới được thoát khỏi sự trôi buộc. Còn miệng thì nói vô sanh, nhưng người làm được thì chẳng có một, căn cứ vào người nói chứng vô

sanh như thế thì cả trăm người không được một người. Muốn chứng được vô sanh phải vượt thắng mọi cảnh, cho nên phải cầu vô sanh thấy Phật, dùng làm nhân duyên thù thắng cho sự tu chứng. Còn nếu ở cõi Diêm-phù, thường gặp được thiện hữu tri thức, dù được nghe chánh pháp, nhưng người thuyết pháp cũng chỉ là phàm phu, nên có nghe suốt ngày đêm cũng không chứng được lý. Kinh *Duy-ma* nói rằng: “Suốt ngày thuyết pháp mà không thể làm cho người ta diệt trừ phiền não và phát tâm tu đạo thì sự thuyết pháp đó chỉ là hý luận mà thôi, chẳng phải là sự cầu pháp”. Giả sử đời sau có gặp được thiện hữu tri thức khơi dậy cái nhân đời nay, thì cũng chỉ là trở lại làm trò hý luận xưa kia, chẳng giống như niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, tuyệt hẳn luân hồi, vào rừng chánh pháp, một phen nghe lời chánh ngữ, chứng được pháp nhãn nhiều không kể xiết, ứng niệm viên minh.

Xem kỹ hai nhân duyên trên rồi thì chớ nên nhọc phiền lòng, sanh tâm do dự nữa!

6

Kinh *Niết-bàn*¹ ghi: A-nan gặp nạn bị ma nhiễu loạn, Bồ-tát Văn-thù phải đến cứu². Kinh

¹ Kinh Niết-bàn, nói đủ là Kinh Đại Bát-niết-bàn (S. Mahāparinirvāṇa-sūtra): 40 quyển, Đàm-vô-sấm dịch, ĐTK/ĐCTT 12, số 0374.

² Phẩm Kiều-trần-như, Tôn giả A-nan bị 6 vạn 4 ngàn ức chúng ma nhiễu loạn.

*Đại Phẩm*¹ cũng nói: Ma vương biến làm Phật, làm Bồ-tát... người thường chẳng thể biết. Kinh *Ưu-ba-cúc-đa*² cũng ghi: Ma biến thành Phật, tôn giả đánh lừa.

Hỏi:

Tôn giả A-nan đã chứng quả Dự lưu vậy mà vẫn còn bị ma quấy nhiễu, Đức Phật phải sai Bồ-tát Văn-thù đến cứu, nhân đó mới tỏ được bốn tâm. Rồi nữa, ma vương có khả năng biến làm thân Phật, thuyết pháp cho mọi người nghe, Bồ-tát sơ học không thể nào nhận ra được. Như tôn giả *Ưu-ba-cúc-đa*³, đạo lực đã chứng đến vô học, vậy mà thấy ma vương biến thành Phật cũng không khỏi cúi đầu đánh lễ quy kính. Nay chúng ta muốn niệm Di-đà, để lúc lâm chung thấy Phật, tất cả đều là cảnh của ma hết, há có thể nương tựa? Nếu cảnh tượng thấy được quả là chân thật thì như gặp được thang thuốc đặc thù, còn nếu như gặp phải ma gạt thì ắt hẳn rơi vào nẻo tà. Mỗi nghi này lâu ngày chưa dứt, mong được giải bày!

Đáp:

¹ Kinh Đại phẩm, nói đủ là kinh Đại phẩm Bát-nhã (S. Pañcaviṃśati-sāhasrikā-prajñāpāramitā), 27 quyển, 90 phẩm, Cư-ma-la-thập dịch, ĐTK/ĐCTT 8, số 223.

² Không tìm thấy kinh này, nhưng sự việc như vậy thì thấy ở nhiều kinh khác.

³ Ưu-ba-cúc-đa (S. Upagupta): Ra đời sau khi đức Phật nhập niết-bàn khoảng 100 năm, là môn sư của vua A-dục.

Hóa thân của đấng Đại giác thần tượng uy nghiêm vượt thắng trời người, ma vương dù có giả dạng hình tượng cũng khác biệt xa. Đức Thế Tôn đã trải qua không biết bao nhiêu kiếp tu hành, gieo trồng không biết bao nhiêu nhân lành thù thắng, nên đạo quả đạt được vạn đức uy quang, tướng hảo siêu kỳ, chứ đâu có xấu như ma, làm sao có thể so sánh được?

Bản thể Như lai nghiêm tịnh thanh khiết, sắc tướng rực rỡ sáng ngời; nghiêm tịnh thanh khiết vô cầu như minh châu, sáng rỡ huy hoàng như vạn mặt trời. Ma vương dù có biến hoá giỏi cách mấy cũng không thể đầy đủ hết đức tướng của Thế Tôn. Về bên ngoài đã kém xa như thế huống hồ những đặc tướng quý báu bên trong làm sao bì kịp? Ngài A-nan ở ngôi tiểu thánh, quả vị Dự lưu, cứ theo đó mà tính, thì đã chứng Sơ địa từ lâu. Ngài lo nghĩ sau này khi Phật đã diệt độ, ma vương sẽ phá hoại tâm tu hành thanh tịnh của các đệ tử, sợ không có cách gì chế phục, cho nên, ngài mới thị hiện bị mắc lưới ma, thỉnh Phật gia oai, tuyên thuyết thần chú, đó là duyên khởi ra đời chú Lăng Nghiêm, mà cũng là vì lợi ích cho chúng sanh đời mạt pháp lâu xa về sau vậy. Người học hàng phục ma vương, nếu không phải là thánh nhân, thì chắc bị sa vào lưới ma thôi.

Kinh *Đại phẩm* nói: Ma biến làm Phật, mê hoặc kẻ phàm ngu, hàng Bồ-tát đức hạnh còn mỏng không thể nhận biết được. Lúc thuyết kinh

Đại phẩm này chưa nói rõ (ngài A-nan) phương tiện thị hiện bị ma quấy nhiễu để làm duyên khởi cho Phật thuyết pháp. Trong hội *Niết-bàn*, nhân có người thưa thỉnh Đức Thế Tôn mới nói pháp. Bảy giờ ngài Ca-diếp thưa thỉnh rằng: “Đức Thế Tôn thuyết pháp, Ma Ba-tuần cũng thuyết pháp, chúng con làm sao biết để phân biệt”? Đức Phật bảo ngài Ca-diếp: “Thí như có con chó hoang, ban đêm đột nhập vào nhà người ta, người chủ nhà bảo đưa dây tở, nếu phát hiện được phải tìm cách đuổi nó đi¹. Hành giả cũng vậy, đã vào trong nhà của Phật, phải khéo hộ trì các căn, không khởi các tạp niệm. Thân tướng của Phật đoan nghiêm đặc thù, nếu Ma có giả, phải khéo phân biệt: Hào tướng² ở giữa chạng lông mày của Phật xoay về bên phải gọn gàng, ngoài thật trong hư, ánh sáng trùm khắp. Ánh sáng ấy trong suốt, thanh tịnh như lưu ly; hình dáng mặt mũi tròn đầy, sáng rõ, giống như ánh mặt trời hội tụ; đỉnh đầu búi tóc cao hiển, màu tóc xanh biếc, mỗi sợi tóc mềm mại xoay

¹ Nguyên văn trong *Phật thuyết đại bát-nê-hoàn kinh*, bản của ngài Pháp Hiển dịch, ghi như vầy: “Thí như ban đêm con chó ăn vụng vào nhà người ta. Chủ nhà biết được có chó vào nhà lập tức la mắng: “Con chó chết tiệt, hãy mau cút đi, nếu không ta sẽ giết chết bây giờ”! Thế là con chó nhanh chóng bỏ chạy, không dám trở lại. Ác ma Ba-tuần cũng y như vậy. Nếu ác ma đến biến hóa thì ông hãy lấy năm pháp trói buộc của Ta để trói buộc chúng. Bị năm pháp này trói buộc rồi thì ác ma Ba-tuần sợ hãi chạy nhanh, như chó ăn vụng”.

² Hào tướng, 毫相 (S. ūṣa-lakṣaṇa), tướng lông mày trắng ở giữa chạng mày, một trong 32 tướng hảo của Phật.

tròn thành một lộn. Thấy thân tướng đặc thù như vậy thì biết chắc chắn là thân tướng của Phật, ngược lại, khác thân tướng này một chút thì đó chính là Ma trá hình”.

Còn trường hợp của tôn giả Ưu-ba-cúc-đa không nhận biết Ma biến làm Phật, sự thật là như vậy: Tôn giả Cúc-đa sanh sau Phật diệt độ, theo thứ tự truyền pháp, ngài là tổ thứ 5, thuyết pháp độ sanh khiến mọi người an lạc cực kỳ. Ma vương ghen tức, bèn dùng phép làm mưa hoa xuống pháp hội nhằm khuấy nhiễu tâm của đại chúng, khiến cho họ không lãnh ngộ được, rồi nhân lúc đại chúng tâm đang rối loạn, lấy bảo quan¹ cúng dường tôn giả Cúc-đa. Tôn giả rủ lòng thương xót mà thọ nhận, nhân đó nói với ma Ba-tuần rằng: “Ta vâng lời Phật dạy, rất biết ơn biết nghĩa”. Tôn giả nói tiếp: “Người đã tặng cho ta bảo quan, ta cũng tặng lại người ngọc báu”. Nói rồi, tôn giả bèn lấy ba cái xác chết là xác người, xác rắn và xác chó biến thành ngọc báu buộc vào cổ ma Ba-tuần. Ba-tuần vui mừng thầm nghĩ: “Thánh giả Cúc-đa có thần lực khó lường, giáo hóa và dẫn dắt khắp cả mọi người, chắc chắn tập thành thánh lữ. Vậy mà nay ma chúng của ta đã có hy vọng xoay chuyển được tình hình. Ông ấy đã nhận bảo quan của ta, còn tặng lại cho ta ngọc báu. Cúc-đa đã rơi vào lưới ma rồi. Đường ác sẽ nhanh chóng tăng

¹ Bảo quan, 寶冠, còn gọi là thiên quan, chỉ chiếc mũ được trang sức bằng ngọc báu.

trưởng, ma chúng của ta sẽ không còn bị tổn giảm nữa”. Nghĩ như vậy rồi, thân và tâm của Ba-tuần vui mừng đến nỗi kiềm chế không được, nhảy múa cả lên, lập tức trở về thiên cung, đến trời Tứ thiên vương. Khi ấy, tôn giả Cúc-đa bèn thâm nhiếp thần lực, khiến cho ngọc báu trở lại nguyên hình tử thi quấn chặt trên cổ, bốc mùi hôi thúi cả trời, mủ máu chảy xuống rả rời. Ba-tuần sầu não vô cùng, chẳng biết đem bỏ chỗ nào, bèn đến xin chư thiên tìm cách giúp đỡ trừ bỏ đi cho. Chư thiên trả lời: “Sức ta không làm được việc đó. Đây là đệ tử của Đức Phật Thích-ca Như Lai, tôn giả Ưu-ba-cúc-đa. Vì người vô tri, dám ngang tàng nhiều loạn. Việc này chỉ tạm thời để khuất phục thân tâm của người mà thôi, xa nữa là để thu phục người quy y. Nếu người quy y thì sẽ thoát khỏi được tai nạn này. Ba-tuần liền xuống hạ giới, đến trước tôn giả, nắm vóc quỳ lạy sát đất, khẩn thiết cầu xin sám hối: “Tôn giả Cúc-đa! Xin ngài thương xót trừ bỏ cho”. Tôn giả nói với Ba-tuần rằng: “Ta sanh ra đời thì Phật đã diệt độ, nên không thấy được thân tướng của Như Lai. Nay người có thể vì ta mà biến làm Phật, để cho ta chiêm ngưỡng được chăng”? Ma Ba-tuần liền vào trong rừng biến thành giống Phật. Cúc-đa trông thấy, quỳ gối đánh lễ, khiến ma Ba-tuần kinh hoàng, sợ hãi nói với tôn giả rằng: “Đệ tử là kẻ phàm ngu, không dám trái lời dạy của tôn giả, nên mới biến thành Phật. Tuy biến thành Phật, nhưng kỳ thật chẳng phải, thánh giả đánh lễ khiến đệ tử

bị giảm phước vô lượng”. Tôn giả liền nói: “Ta, gần thì đánh lễ tượng Phật, xa là kính lễ bậc thầy vĩ đại. Người chỉ là tẻ ma, không phải là đối tượng của ta kính lễ, cho nên người chớ có sợ hãi và cũng đừng sợ tổn phước”. Khi ấy, trong lòng ma vương hết sức vui mừng, xả bỏ tất cả tâm niệm xấu ác, mọi xú uế trên người cũng được trừ sạch, liền phát tâm quy y Tam bảo, đánh lễ sát chân tôn giả Ưu-ba-cúc-đa, rồi trở về lại bốn cung không xuất hiện nữa.

Xem kỹ những điều ghi chép trên đây há còn khởi tâm nghi ngờ tôn giả Ưu-ba-cúc-đa không nhận biết được Ma giả Phật sao? Hơn nữa, đại chúng đông đảo, yểm trợ lẫn nhau, thì những kẻ hung ác không thể nào xâm nhập và nhiễu loạn được. Người tu tịnh nghiệp cũng vậy, một khi có tâm tu niệm chí thành thì quyết định được vắng sanh, khi ấy có mười phương chư Phật đồng triển uy linh gia hộ, lúc thọ mạng chấm dứt, Ma vương không thể nào nhiễu loạn được. Đức Phật Di-đà cùng với hóa chúng đều phóng hào quang tiếp dẫn thần thức về thẳng cõi Cực Lạc, vì vậy chớ nên sợ Ma nhiễu loạn, mà chỉ sợ rằng mình không lo tu tập cho tốt.

7

Tịnh độ ở phương tây so với Thiên cung của Phật Di-lặc đã thấy sự hơn kém rõ ràng.

Hỏi:

Tình độ của Đức Phật Di-đà cách thế giới này quá xa, trong khi Thiên cung của Phật Di-lặc hiện ở ngay Dục giới, tại sao không nguyện sanh về cung trời Đâu-suất mà lại hướng đến phương tây? Bỏ dễ câu khó, như vậy há không phải là xa rời thực tế chăng?

Đáp:

So sánh nhân duyên của hai cõi này, thật ra có quá nhiều sự khác biệt, nay tạm nêu lên mười điều để giải mỗi nghi ngờ trên.

Một là thọ mạng có dài - ngắn; hai là chỗ ở có trong - ngoài; ba là cảnh giới có uế - tịnh; bốn là báo thân có nam - nữ; năm là chủng - hiện; sáu là tu tập có tiến - thoái; bảy là giới và phi giới; tám là thân tướng xấu - đẹp; chín là lúc xả - sanh bất đồng; mười kinh điển tu học có nhiều ít.

1. Thọ mạng có dài - ngắn: Tuổi thọ của chúng sanh ở cõi Đâu-suất là 4000 năm, trong khi thọ mạng của chúng sanh ở cõi Tây phương Cực Lạc là 1 trăm ngàn vạn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp¹.

2. Chỗ ở có trong - ngoài: Cung trời Đâu-suất chia làm hai phần, gọi là nội viện và ngoại viện. Người nào tạo nhiều nghiệp tuệ thì sanh vào nội viện, được thân cận Di-lặc; người nào phước nhiều tuệ ít thì sanh ở ngoại viện, chẳng thấy Từ

¹ 1 na-do-tha = 10^7 , 1 a-tăng-kỳ = 10^{47}

tôn. Ở cõi Tịnh độ thì khác hẳn, chẳng có trong ngoài, quả báo dù có lớn nhỏ, đều ở chung với thánh hiền.

3. Cảnh giới có uế - tịnh: Nếu sanh trong nội viện Đâu-suất thì mới thấy được cảnh hội của Di-lặc Tôn thánh, khi ấy mới có khả năng phát khởi tịnh duyên; còn nếu như sanh ở ngoại viện, hương hoa, lầu đài, âm nhạc, đều khiến cho người ta sanh lòng nhiễm trước. Tây phương Tịnh độ thì không như thế. Từ cảnh cây, ngọn cỏ, con chim, dòng suối, âm nhạc đều khiến chúng sanh thâm nhiếp sáu căn, trưởng dưỡng đạo tâm.

4. Thân báo có nam - nữ: Chánh báo ở cõi trời có nam có nữ, nên chi tiếp xúc dễ sanh lòng nhiễm trước, làm chướng ngại đạo nghiệp. Còn sanh về Tịnh độ thì đều là trượng phu, thân ta và người đều thanh tịnh vô nhiễm.

5. Năm là chủng - hiện¹ sai biệt: Nếu sanh ở cõi trời tập khí phiền não trong tâm có thể sanh hiện hành. Còn sanh ở Tây phương tuy chủng tử vẫn còn nhưng không còn khả năng phát sanh phiền não.

6. Tu tập có tiến – thoái: Sanh ở cõi trời, có nhiều nam nữ, nên tuệ lực yếu kém thì không tránh khỏi sự thoái lui; còn vắng sanh Tịnh độ thì tuệ lực

¹ Chủng tử và hiện hành. Thức A-lại-da có công năng làm phát sanh tất cả các pháp, nên gọi là chủng tử. Từ chủng tử sanh ra các pháp sắc, tâm nên gọi là hiện hành.

ngày càng tăng trưởng, đã tuyệt hẳn được sự tham muốn dục lạc, chỉ một mực tinh tiến tu hành.

7. Giới và phi giới: Sanh lên cõi Đâu-suất, vì chưa ra khỏi Dục giới, nên không thể tránh được các tai kiếp, như hỏa tai nếu xảy ra thì không tránh được sự thiêu cháy. Còn sanh về Tây phương thì đã thoát khỏi tam giới, vĩnh viễn không còn bị các tai kiếp thủy, hỏa, phong... xâm hại. Ở cõi Cực Lạc, do con người vẫn có sắc thân cho nên không phải là Vô sắc giới; ở đó không nhiễm sắc trần, cho nên không phải là Sắc giới; không còn tâm dâm dục và không dùng thức ăn đoàn thực cho nên cũng không phải là Dục giới.

8, Thân tướng có xấu - đẹp: Sanh ở cõi trời có nam nữ bất đồng, xấu đẹp khác nhau. Còn sanh Cực lạc, thân tựa như ngọc, một màu trang nghiêm, đầy đủ tướng tượng phu.

9. Xả - sanh bất đồng: Lúc xả bỏ thân mạng sanh cõi trời không ai tiếp dẫn. Còn vãng sanh Tịnh độ có Thánh chúng đến nghinh rước.

10. Kinh điển khuyến tu có nhiều - ít: Khuyến khích tu tập để sanh lên Đâu-suất chỉ có một kinh, đó là kinh *Phật thuyết quán Di-lặc Bồ-tát thượng sanh Đâu-suất thiên*, thiếu sự ân cần, tác nghiệp qua loa. Còn khuyến tu vãng sanh Tịnh độ thì kinh luận rất nhiều, Đại thánh ân cần, hết lòng khích lệ.

Lại hỏi: Tây phương Tịnh độ vô cùng thù thắng, chúng sanh bốn mùa sống trong an lạc, thì làm có chỗ cho những người phàm phu thấp kém? Xin trả lời rằng, cõi ấy tinh vi, muốn sanh về đó thật khó, nhưng nhờ Phật lực gia trì, nên đến đó rất dễ.

8

Kinh *Đại vô lượng thọ*¹ ghi: Người vãng sanh về Tịnh độ sẽ trụ trong chánh định tụ². Kinh *Di-đà* cũng ghi: Chúng sanh vãng sanh về quốc độ Cực Lạc ai nấy đều chứng A-bệ-bạt-trí³.

Hỏi:

Phàm luận về địa vị bất thoái thì phải nói đến công phu tu tập đã trải qua vạn kiếp. Nay người niệm Phật trong một đời, cho đến khi lâm chung chỉ cần mười niệm, đều được Phật Di-đà tiếp dẫn vãng sanh thì làm sao mà chứng được địa vị bất thoái? Xét về công phu tu tập có quá nhiều sai biệt, nếu không muốn nói là bất hợp lý.

Đáp:

¹ Đại vô lượng thọ kinh, 大無量壽經, tức Vô lượng thọ kinh (S. Aparimitāyur-sūtra), lược gọi là Đại kinh, 2 quyển, do Khương Tăng Khải (S. Saṃghavarman) dịch vào đời Tào Ngụy, niên hiệu Gia Bình thứ 4 (252), ĐTK/ĐCTT 12, số 360.

² Chánh định tụ (S. samyaktva-niyata-rāśi): một trong ba tụ, còn gọi là Chánh tánh định tụ, Chánh định, chỉ cho người chắc chắn được chứng ngộ trong số chúng sanh.

³ A-bệ-bạt-trí (S. avinivartanīya): không còn thoái lui.

Bất thoái và chánh định, tên gọi khác nhau mà đồng một nghĩa. Người tu hành, phạm có hai hạng. Một là ở uế độ, hai là ở Tịnh độ. Uế độ tu nhân phải qua nhiều kiếp, Tịnh phương khởi hạnh tự có nhiều đường.

Nay xin nói rõ hai chữ bất thoái. Theo luận *Thập trụ Tỳ-bà-sa*¹, bất thoái có bốn loại:

1, Vị bất thoái: Tức trải qua vạn kiếp tu nhân, ý nói đã thành tựu duy thức quán, không còn bị thoái lui và đọa lạc vào đường ác khiến bị lưu chuyển sanh tử.

2, Hạnh bất thoái: Đây là hạng người đã chứng sơ địa, thành tựu chân duy thức quán, xả tâm nhị thừa, ở nơi hạnh lợi tha mà đắc được bất thoái.

3, Niệm bất thoái: Khi đã vào Bát địa, chân chánh đạt được Vô công dụng trí², dù ở trong cảnh tĩnh hay động đều được tự tại, không còn niệm thoái chuyển.

4, Xứ bất thoái: Địa vị này dù chưa có kinh văn nào nói đến, nhưng tôi suy nghiệm từ lý kinh

¹ Luận Thập trụ Tỳ-bà-sa (S. Daśabhūmika-vibhāṣā-śāstra): 17 quyển, Bồ-tát Long Thọ tạo, Cưu-ma-la-thập dịch, ĐTK/ĐCTT 26, số 1521.

² Vô công dụng trí: Bồ tát ở địa vị thứ 8 trở lên, không phải nhờ cái công gia dụng, tự nhiên khế hợp với trí chân tánh.

mà thành lập. Vì sao? Trong luận Bà-sa¹ có nói, người ở Dục giới chứng đắc quả A-la-hán, khi gặp 5 cảnh duyên chướng ngại cũng có thể khiến đạo tâm thoái thất, đánh mất thánh quả². Trên bước đường tu đạo có biết bao phiền não, đường xa lại mang nhiều bệnh. Có người ưa tụng đọc kinh điển, có người ưa tranh luận với nhau, có người ưa lo việc của Tăng... Nếu như ở cõi trời mà chứng quả, không gặp các duyên chướng ngại, thì có thể chứng được quả vị bất thoái, nhập vào niết-bàn vô dư. Người tu tịnh nghiệp cũng như vậy. Ba quả vị bất thoái nêu trước, chẳng có phần của mình, nếu như trôi lăn trong sanh tử ở cõi Ta-bà, ở mãi trong cõi này, thì sẽ bị đắm nhiễm mà thôi. 5 chướng duyên khiến cho thoái thất là: 1, thọ mạng ngắn ngủi lại thêm nhiều bệnh; 2, bạn xấu quá nhiều, thường hay quyến rũ làm việc xằng bậy, phá hoại tâm thanh tịnh; 3, ngoại đạo tà giáo

¹ Luận Bà-sa, tức luận Đại Tỳ-bà-sa (Abhidharma-mahāvibhāṣā-śāstra), 200 quyển, do 500 vị Đại A-la-hán ở Bắc Ấn Độ biên soạn, Huyền Trang dịch và đời Đường, còn gọi là A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa luận, hoặc gọi tắt là Bà-sa luận, ĐTK/ĐCTT 27, số 1545.

² Luận Bà-sa, quyển thứ 7 có nói đến 6 hạng A-la-hán, 5 hạng đầu đều có thể thoái thất, đánh mất thánh quả, duy chỉ có hạng sau cùng là không còn bị thoát thất nữa. Luận Câu-xá cũng nói như vậy. Quang Ký dẫn luận Đại Tỳ-bà-sa, quyển thứ 60, với cùng một lời văn như trong luận này. Tuy nhiên, trong khi khảo cứu lại các luận trên thì chưa tìm được văn bản làm bằng. Có thể do các ngài lấy ý mà nêu ra thôi!

quá nhiều khiến đảo lộn đúng sai; 4, sáu cảnh sáu trần luôn khuấy động tịnh tâm; 5, không được thấy Phật, chẳng gặp Thánh chúng. Nếu như ở mãi ở thế giới Ta-bà sẽ gặp phải 5 chương duyên này, rất là khó tu. Còn nếu như vãng sanh về Tịnh độ thì sẽ gặp được 5 thắng duyên hỗ trợ tu học, đó là: 1, thọ mạng lâu dài lại không bệnh hoạn; 2, bạn tốt xum vầy khuyên nhau tu học; 3, thuần một chánh pháp chẳng có ngoại đạo; 4, chỉ có cảnh giới thanh tịnh, hoàn toàn vô nhiễm; 5, thường được thấy Phật cùng với Thánh chúng. Do nhờ có được 5 thắng duyên này nên chi không còn bị thoái thất. Căn cứ các địa vị bất thoái, thì không có vị nào có tốt hơn địa vị thứ tư này. Bởi ở đây, cõi giới thù thắng, duyên lành rất mạnh, lại không còn bị thoái chuyển. Thí như có một người xấu, thường làm chuyện bất thiện, bấy giờ gặp một người rất tốt, thương tình và khuyến khích tuyệt giao với những hoàn cảnh xấu, thường theo bạn tốt, dần dần người xấu kia cũng đi đến chỗ không còn gây tạo lỗi lầm nữa. Đó là cái thắng duyên của xứ bất thoái vậy!

9

Kinh *Di-đà* nói: Không thể dùng một ít nhân duyên căn lành và chút ít phước đức mà có thể sanh về thế giới Cực Lạc.

Hỏi:

Muốn vãng sanh Tịnh độ cần phải tu đại thiện, tạo đủ phước đức chứ đâu phải chỉ niệm suông danh hiệu Phật?

Đáp:

Nói về thiện cần nhiều ít, chỉ cần coi có niệm Phật không thì biết. Nên nhớ rằng, nếu chẳng có thiện duyên trong quá khứ, thì đời này không thể nghe được danh hiệu Phật, nói chi đến niệm! Ngày nay chuyên tâm niệm Phật thì biết trong quá khứ đã gieo nhân thiện rồi. Cho nên, lòng tưởng niệm tây phương, quyết chí vãng sanh, đó là người đại thiện căn vậy! Còn ai tuy nghe Tịnh độ Di-đà, cũng phát ý nguyện vãng sanh, nhưng tiến thoái do dự, tâm chưa quyết định, thì thì người này có chút ít thiện căn, không thể được vãng sanh.

Lại hỏi rằng:

Cứ theo việc niệm Phật như vậy, thì chỉ niệm suông danh hiệu Phật, giả sử có chuyên tâm đi nữa, cũng đâu phải là đại thiện, nên niệm Phật hiệu làm sao vãng sanh?

Đáp:

Xin nói rõ việc niệm Phật. Pháp môn này gọi là tổng tu¹, nhưng căn cơ chúng sanh bất đồng nên nhận được sự lợi ích cũng chẳng giống

¹ Người trí, kẻ hạ căn đều có thể tu tập được, nên gọi là tổng tu; đồng thời, pháp môn này hàm tàng đủ mọi công đức, nên gọi là tổng tu.

nhau. Hạnh nguyện của chư Phật đều thành tựu trong danh hiệu này, cho nên chỉ cần xưng niệm danh hiệu là trọn đủ tất cả mọi công đức, thành tựu đại thiện, sao không được vãng sanh?

Trong kinh *Duy-ma* nói rằng: [Trong 10 hiệu Như Lai], thì 3 danh hiệu đầu (Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri), nếu Phật giảng rộng ra, tôn giả A-nan hết kiếp cũng không thể lãnh thọ. Luận *Thành thật*¹ giải thích danh hiệu của Phật, thì 9 danh hiệu đầu đều có ý nghĩa khác nhau, nhưng một từ mà gom hết ý nghĩa, danh hiệu và công đức của 9 danh hiệu đầu lại là danh hiệu Phật Thế Tôn. Chỉ giảng giải 3 danh hiệu đầu thôi mà trải qua suốt kiếp cũng không nói hết, và khả năng lãnh ngộ như A-nan mà cũng không hiểu nổi, huống gì thêm sáu danh hiệu nữa! Cho nên, khi thành tựu danh hiệu Phật thì đã tích lũy, hàm tàng trong đó mọi công đức viên mãn, nên ai niệm Phật thì người ấy là được đại phước thiện vậy.

10

Kinh *Di-đà* nói rằng: Người thiện nam, kẻ thiện nữ niệm Phật đều vãng sanh về Tịnh độ, số chúng thanh văn nhiều vô số kể. Luận *Tịnh độ*² thì

¹ Luận Thành thật (S. Satyasiddhi-śāstra), 16 quyển, do Ha-lê-bạt-la (Harivarman) sáng tác, Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán văn, ĐTK/ĐCTT 32, số 1646.

² Luận tịnh độ, có hai tác phẩm, một của Bồ-tát Thế Thân soạn, gọi là *Vô lượng thọ kinh ưu-ba-đề-xá nguyện sanh kệ* (Sukhāvati-

nói: Tịnh độ là cảnh giới của đại thừa và đại thiện căn, bình đẳng, không có cơ hiểm tên gọi; người nữ, người khiếm khuyết các căn, hạng nhĩ thừa thì không được vãng sanh.

Hỏi:

Như *Tịnh độ luận* đã nói, người nữ, người không đủ các căn, hàng tiểu thánh thì không được vãng sanh; nhưng kinh *Di-đà* thì lại nói tất cả đều được vãng sanh Tịnh độ. Cả hai kinh luận này đều là thánh giáo, tại sao lại nói khác nhau như vậy?

Đáp:

Khảo sát kinh luận, mỗi loại thuận theo một duyên, nhưng thâm sát kỹ càng thì tuyệt đối không có sai biệt. Kinh luận nói người nữ vãng sanh có nghĩa là, những người nữ có ý chí quyết liệt, nhằm chán thân nữ, chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đến khi nghiệp báo ở cõi Ta-bà này hết, thần thức lên đài sen báu lập tức chuyển thành trượng phu và ngay đó vãng sanh về cõi tịnh. Còn nói những người các căn không đủ thì có năm trường hợp: một là bẩm sanh không có nam căn; hai là cắt bỏ nam căn (như trường hợp hoạn quan), ba là nửa tháng có nam căn, nửa tháng không có (bán nguyệt); bốn là thấy người ta hành dâm thì sanh tâm ganh ghét, bột phát nam căn mạnh mẽ; và năm là bán nam bán nữ (nhĩ

vyuhopade-sa), ĐTK/ĐCTT 26, 1524; và một của Ca Tài, người đời Đường soạn. Câu này dẫn luận của Bồ-tát Thế Thân.

hình). Đối với những hạng người khiếm khuyết các căn này, ý chí thường không kiên định, nhưng nếu có thể phát tâm niệm Phật, quyết tâm dũng mãnh, đến khi thọ mạng chấm dứt, xả bỏ tám thân khiếm khuyết căn này, liền cảm lấy thân khác, đầy đủ các căn, ngay đó vãng sanh cõi tịnh.

Hàng nhị thừa có hai. Một là người mê nơi pháp, tức là hạng người chứng được lý nhân không (chứng lý vô ngã), đã đắc tiểu quả, nhưng không đạt được pháp không, cho nên gọi là mê nơi pháp, chỉ có tự lợi, không thể lợi tha, cho nên không thể vãng sanh Tịnh độ. Hai là hạng người không mê nơi pháp, dù đã chứng đắc A-lán, nhưng không an trụ nơi tiểu quả này mà thường theo lý tưởng chư vị Bồ-tát, phát khởi tâm đại thừa, nguyện sanh trước Phật để thực hành hạnh nguyện độ tha, cho nên vãng sanh Tịnh độ.

Hỏi:

Hơn nữa, trong *Quán kinh*¹ có nói, những người trung phẩm vãng sanh, đến Tịnh độ mới chứng tiểu quả². Trong khi *Tịnh độ luận* lại nói, hàng nhị thừa chẳng được vãng sanh. Vì lý do gì mà sanh về Tịnh độ mới chứng được tiểu quả?

¹ Quán kinh, tức Quán vô lượng thọ Phật kinh, còn gọi là Vô lượng thọ Phật quán kinh, Vô lượng thọ quán kinh, Thập lục kinh (S. Amitāyur-dhyāna-sūtra), Cương-lương-da-xá (Kālayāśas) dịch, ĐTK/ĐCTT 12, số 0365.

² Kinh này nói những người Trung phẩm trung sanh chứng quả Tu-đà-hoàn, tu tập thêm nửa kiếp nữa thì chứng A-la-hán.

Đáp:

Những người này đời trước đã có chủng tử tiểu thừa, nay gặp được thiện tri thức khai mở phát tâm đại thừa. Do đời trước huân tập cái nhân tiểu quả, giác ngộ bốn pháp vô thường (vô thường, khổ, không, vô ngã - tứ phi thường), nay cái nhân quá khứ phát khởi thì chứng được tiểu quả. Được các thiện hữu tri thức đại thừa khuyến khích, sách tấn không nên trụ nơi pháp tiểu thừa, khi ấy họ lại phát khởi đại tâm, cho nên chẳng còn phải là tiểu thừa nữa.

Tuy căn tánh người nữ, nhưng ý chí cầu đạo bồ-đề, lại có niềm tin sâu sắc rằng mình và chúng sanh đều có Phật tính bình đẳng, cho nên liền phát nguyện rộng lớn, thệ thành Phật ngay đời này để rộng độ chúng sanh và luôn nhớ nghĩ xả bỏ thân nữ, cầu được sanh Tịnh độ; khi báo thân này hết, hóa thân của Phật đến tiếp dẫn, người nữ này sẽ thành bậc trượng phu, bước lên đài hoa sen, cùng Phật đi về cõi nước của Ngài, và được Ngài gia hộ cho thần thức được an ổn.

Kinh điển gồm luôn những hạng người này cho nên nói đều được vãng sanh, còn luận văn không nói đến những người như thế nên nói không vãng sanh.

Người tiểu thừa nếu có đại ý chí, thì nhờ vào cái duyên nghiệp này mà được vãng sanh.

Theo cách nói xưa, những người này được gọi là thanh văn.

Hỏi:

Trong con mắt tiểu thừa, nói như vậy là có sự cơ hiểm. Tại sao ở cảnh giới Tịnh độ lại còn có tên gọi như vậy?

Đáp:

Hàng thanh văn còn chưa tỏ ngộ các pháp, tư tưởng tự lợi quá sâu, không thể làm lợi ích cho chúng sanh, cho những lời cơ hiểm trái tai. Ở Tịnh độ, tuy tên gọi xưa vẫn còn, nhưng đều đã trở thành bậc đại thanh văn rồi, và đã phát tâm làm lợi ích cho chúng sanh, cho nên đó cũng là tên gọi tốt đẹp. Trong *kinh Pháp Hoa* có nói: “Ngày nay tất cả chúng ta chân thật đúng là thanh văn, dùng âm thanh đạo Phật khiến cho tất cả đều được nghe”. Ở tây phương cũng như thế, tuy có tiểu thừa, nhưng tuyệt đối đều là thanh văn chân thật, cho nên không có chuyện cơ hiểm và những lỗi lầm khác.

11

Hành giả tu học trong thời mạt pháp có năm mối nghi ngờ nhỏ.

Mối nghi thứ nhất là:

Chúng sanh trôi nổi trong sanh tử luân hồi, trải qua mọi sự khổ đau, suy xét cho cùng thì nguyên nhân chính đều do tam độc tham, sân, si.

Nay hành giả chuyên tâm niệm Phật, nguyện cầu được vãng sanh Tây phương thì ba thứ tà độc đó càng thêm tăng trưởng, như vậy há không phải là nhận thức điên đảo? Vì sao? Vì Ta-bà là thế giới ô trược, theo lý lại là chỗ chúng sanh phải ở lâu dài (bởi chúng sanh phiền não nhiễm ô, đâu ra khỏi được tam giới, lẽ dĩ nhiên là phải ở đây thôi!), vậy mà nay lại khởi niệm chán ghét cõi này cầu sanh cõi nọ, đó là tà sân vậy! Tây phương Tịnh độ là cảnh giới của thánh giả nhân du, đâu phải chỗ cho kẻ hạ phàm mơ tưởng, vậy mà nay lại phát nguyện được sanh qua đó, tức là tà tham! Sở dĩ có tham sân như vậy đều là do vô minh cả, tức là tà si chướng! Tam độc như vậy hàng ngày cứ tích chứa trong ruộng tâm, dù có niệm Phật cũng chỉ cảm ứng với thần ma quỷ quái, làm sao mà được vãng sanh Tịnh độ?

Đáp:

Lời Phật dạy cốt là để làm lợi lạc cho chúng sanh hữu tình, nhưng phải khéo biết thủ xả tùy theo cơ duyên. Vì sao? Vì nếu đã chứng ngộ được pháp vô sanh, thì theo lý có thể ở lâu dài nơi thế giới Ta-bà để cứu độ chúng sanh; còn nếu như chưa chứng được quả vị bất thoái, thì cõi ô uế này không nên ở lâu. Vả chăng, nếu đã khế ngộ với pháp vô sanh, thì Ta-bà với Cực lạc vốn là bất nhị, hà tất phải chán ghét, lìa bỏ thế giới này để cầu sanh Tịnh độ chỗ khác? Chỉ có những người

đang ở trong chôn sanh tử luân hồi mới cần phải cầu sanh Tịnh độ.

Uế độ là nơi cư trú của bậc Đại sĩ, theo lý phải hiểu, quý ngài thường qua lại tới lui để hóa độ chúng sanh, không hề chướng ngại. Còn bọn hạ phàm chưa tu tập thành tựu thắng quán, thì chỉ tạm thời vơi chút khổ đau nhưng rồi cũng bị trở lại trôi lăn trong đêm dài sanh tử. Cho nên, xả bỏ cõi uế này không phải là nuôi lớn tà sân như ai đã nói! Hơn nữa, cái niềm hạnh phúc an lạc ở Tây phương Tịnh độ không hề làm cho chúng sanh khởi lên lòng tham, nói chi đến tà tham! Vãng sanh qua đó, đồng thời phân biệt tương ưng với tuệ, đâu có tà si!

Như vậy, người tu niệm Phật, bên trong thì tích tập ba thiện căn, bên ngoài thì chiêu tập chư thánh hiền giúp đỡ, sau khi xả báo ở cõi này, cõi Tịnh độ vi diệu nở hoa đón mừng. Cho nên chớ có lo sợ thần ma quỷ quái, bởi chúng không thể động đến người tu chánh nghiệp!

Mối nghi ngờ thứ hai là:

Nghiệp giống như cái cân đo lường, thiện ác đều phải trả. Từ khi mang nghiệp mà sanh ra trên cõi đời đến nay, nghiệp ác đã tạo chắc không phải chỉ có một, vậy tại sao không bị chịu quả báo mà được vãng sanh thẳng về Tây phương? Giả sử muốn được vãng sanh, há không bị nghiệp ác làm chướng ngại sao?

Đáp:

Phàm con người đã gây tạo nghiệp, nhất định phải chịu quả báo hoặc khổ hoặc vui. Từ vô lượng kiếp đến nay làm kẻ phàm phu, cho nên tích lũy cái nhân tội lỗi rất nhiều, không sai làm mà cũng không trốn tránh. Nay cảm lấy quả báo làm thân người với những nghiệp quả xấu ác, quả thật không đoạn trừ được. Nếu nói đã đoạn trừ, tức là nay không có việc xấu nào để trừ. Còn nếu như nghiệp ác chưa diệt hết, lúc thọ sanh làm sao không chướng ngại?

Nay vì thương xót người tu hành trong thời mạt pháp mà nói rằng, lúc thọ sanh thân này, các nghiệp ác chưa có đoạn trừ, nhưng do con người có nghiệp thù thắng hơn, nên nghiệp ác không thể làm trở ngại. Quả báo tốt đẹp đã hết, thì quả khổ phải thọ nhận. Lại cần phải thấy rằng, nghiệp ác dù chưa đoạn, nhờ có nghiệp thù thắng hơn, nên có thể làm cho nghiệp ác tạm thời không phát sanh. Tính nghiệp càng thêm lớn mạnh, thì (nghiệp ác) làm sao khởi chướng ngại được. Vì sao? Vì người đã quy y Tam bảo và thọ giữ năm giới, cái nhân thiện hữu lậu đã gieo trồng, nên kết sanh thức dẫn đi thọ thai, nhập vào thai mẹ, bấy giờ thức này đã yếu, nghiệp ác không thể làm trở ngại, cho nên đã được thân người thì tội lỗi đã không còn sức mạnh. Từ xưa đã gieo trồng chánh hạnh, đời nay lại phát tâm, thệ nguyện đoạn tận mọi nguồn gốc khổ đau, tương lai lại nguyện

thành Phật, tinh cần khắc niệm như vậy mà lập nguyện sanh về Tây phương. Khi báo thân này hết, được thiện hữu từ bi ân cần hộ niệm khiến cho tâm an trụ vào chánh niệm, Thánh chúng lại hiện ra trước mặt, càng tăng thêm lòng khát ngưỡng, nương nhờ nhân duyên thù thắng này mà được vãng sanh thì đâu có gì khó? Chớ có sanh lòng hoài nghi mà không tu tịnh nghiệp!

Mối nghi ngờ thứ ba là:

Cứ theo tình trạng tu học ngày nay thì lấy việc học tổng quát¹ làm tôn chỉ. Nếu như chủ trương riêng niệm Phật Di-đà thì thành ra hẹp hòi, đó mới là chương đạo, không thể thoát khỏi luân hồi. Vậy tại sao không từ bỏ lối tu riêng biệt này, lấy cách tu học phổ quát theo tình hình chung của thời đại?

Đáp:

Có chí học rộng biết nhiều là điều lợi ích vô cùng, nhưng chỉ có bậc đại trí, thánh hiền mới có khả năng lãnh hội; còn như người sức kém trí hẹp thì khó mà noi theo. Đức Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh mà đặc biệt nói riêng pháp môn này. Vì để phù hợp căn tánh của chúng sanh, nên theo lý chẳng có gì tổn hại. Vả lại, có thể lấy pháp môn này làm cái nhân tu tập để thành tựu tất cả các pháp.

¹ Chủ trương học tất cả các pháp môn, không phân biệt tiểu thừa, đại thừa, tông phái...

Mối nghi ngờ thứ tư:

Người muốn tu đạo giải thoát trước hết phải biết được cái nhân của khổ đau. Truy tìm nguồn gốc của khổ đau thì thấy chính là do nghiệp ác. Hoàn cảnh để cho nghiệp ác phát khởi chính là thế giới Ta-bà. Do không thấu hiểu nghĩa lý về tánh và tướng của đạo thánh hiền nên gây tạo vô lượng vô biên những nghiệp ác. Hết thấy chúng sanh, phàm có hai loại. Một là thật báo. Hai là ứng hình. Thật báo có nghĩa là, bản thể thì có Phật tánh nhưng hình tướng đều là người thân. Do vì mê mờ bản thể nên mới vọng sanh tâm lý tham, giận...; trên bản thể Như Lai tạng mà lại khởi tâm si mê. Hình tướng tuy khác nhau nhưng đều là thân bằng quyến thuộc, vốn không phân biệt. Bởi vì cách sanh¹ nên không còn nhớ biết, lại vọng khởi lên tâm lý thương ghét, thường đối với cha mẹ Phật tánh của mình mà lại duyên theo cảnh xấu, tạo nghiệp giết hại, trộm cắp, tà dâm... Thánh chúng Tam thừa thương xót chúng sanh, ứng thể đồng như phàm phu, kẻ mù chẳng biết, ngược lại còn sanh tâm khinh bỉ, cho nên tội ác càng thêm tăng trưởng; vì không biết nên lại sanh thêm vọng tưởng điên đảo. Nay được khai ngộ, đối cảnh biết nghĩ đến lỗi lầm, cho nên đã trừ được nghiệp ác, tương lai không gây tạo trở lại. Chỉ cần ở cõi này mà biết sám hối thì cũng đã có thể tiêu trừ tận gốc

¹ Cách sanh: Thọ thai kiếp khác.

tội lỗi nghiệp chướng. Chán ghét cõi Ta-bà, cầu sanh Tây phương há có thể làm mất hết oán kết hay sao?

Đáp:

Muốn đạt được cứu cánh giải thoát thì phải diệt tận gốc rễ của khổ đau, diệt tận cái nhân của khổ đau không gì hơn là dứt bỏ mọi điều ác. Hoàn cảnh gây tạo tội lỗi chính là thế giới Ta-bà. Oán hiềm tích giữ ở đây đã thành ái kết. Ngày nay thẩm xét kỹ càng (mới thấy tất cả đều bị) sợi dây vọng tưởng điên đảo trôi buộc. Vì muốn cho chúng sanh biết rõ bản thân mình vốn có thể tánh Như Lai, thể tướng đều là bà con quyền thuộc cho nên chư Phật với tấm lòng đại bi đã phương tiện ứng hoá thân mình tùy theo chúng sanh trong lục đạo, biểu hiện giống như phàm phu. Giải thích như vậy thì mọi người đều tin theo. Nhưng y theo luận mà làm, thực nghiệm chẳng có mấy ai. Hiểu biết thì chẳng có gì khó, thực hành mới là khó.

Đã gây tạo lỗi lầm, thật lòng ăn năn hối cải, đời này thế nguyện không bao giờ tái phạm những việc ác, lại chuyên tâm niệm danh hiệu Phật và tu các hạnh lành, hồi hướng nguyện vãng sanh Tịnh độ, tha thiết như cứu lửa đang cháy trên đầu. Trầm luân ở thế giới này, than ôi chỉ sợ lạc đường! Còn an thần nơi cõi Cực Lạc sẽ chứng được quả vô sanh. Một khi công phu tu hành thành tựu lại phát nguyện quay trở lại cõi đời ngũ trược, với tâm đại bi giáo hoá hết mọi loài, cứu độ

hết thấy chúng sanh. Chớ dừng lại nửa đường, cũng đừng rẽ qua lối khác, mà hãy tu bằng cách mỗi lúc khởi tâm động niệm, trước hết đều nghĩ đến những kẻ oán thù, nguyện xả bỏ tất cả mọi cái nhân của khổ đau, cùng nhau vãng sanh về Cực Lạc. Tu như vậy thì những kẻ đã oán thù của mình đều được lãnh thọ, họ sẽ xả bỏ tâm oán hiềm. Do không biết nương vào cách tu này cho nên mới ôm lòng ngờ vực.

Mối nghi ngờ thứ năm:

Nay thời mật pháp, xa Phật cách Thánh quá nhiều, cho nên những người phàm phu ngu muội đúng lẽ thích hợp với pháp môn lễ sám Bồ-tát Địa Tạng, hiện giờ lại có nhân duyên, theo lý lại càng nên chuyên niệm và tưởng nhớ Tam bảo. Cõi Tịnh độ của Phật Di-đà chỉ giành riêng cho người thượng căn tu hành, thuộc về giai đoạn thứ hai của Phật pháp, tức là thời tượng pháp, những người ở vào giai đoạn này mới có thể tu tập được. Còn giai đoạn này là thời mật pháp, điều ác đầy đầy, tánh dục của chúng sanh rất lớn thì làm sao có thể thực hành pháp tu của bậc thượng. Người thượng căn học pháp bậc hạ thì quá dễ dàng, nhưng kẻ hạ căn mà học pháp bậc thượng thì chỉ có thêm chướng ngại, nhận điều khổ não. Pháp môn và căn cơ còn không biết rõ, hỏi làm sao tu tập thành công?

Đáp:

Những lời nói của nhân giả không phải hoàn toàn phi lý, nhưng do sự học chưa lâu nên mới phát sanh những nghi ngờ này. Dừng lại mọi vọng tưởng thì tự nhiên thông suốt. Định lực mở ra thì đường tu rất gần.

Nay xin giải thích thành hai phần, một là dẫn chứng từ kinh sách, hai là nói rõ ý nghĩa pháp môn.

- Thứ nhất là dẫn chứng từ kinh sách, nhưng kinh sách thì có quá nhiều, sao chép đủ loại nên rất khó tra cứu, nay chỉ xin nêu năm kinh căn bản để khai sáng sự nghe sự học.

+ Kinh *Đại tập Hiền Hộ*¹ nói rằng: “Phật bảo Hiền Hộ, sau khi Ta niết-bàn, các đệ tử của Ta truyền bá pháp môn tam-muội này thì những Tỳ-kheo xấu ác không thể nào tin và thọ trì, ngược lại còn phi báng và cho là ma thuyết. Lại nữa, Hiền Hộ, lúc các Tỳ-kheo làm điều phi pháp, lúc các quốc gia đánh nhau, lúc đấu tranh huỷ báng nhau và lúc chúng sanh sống trong môi trường ô trược thì có bốn chúng đệ tử của Ta có khả năng truyền bá pháp môn này, làm lợi ích cho chúng sanh.

+ Kinh *Dược Sư* ghi: “Bồ-tát Văn-thù vì chúng sanh thời tượng pháp mà thưa hỏi rằng:

¹ Đại tập Hiền Hộ kinh (大集賢護經), gọi đủ là Đại phương đẳng đại tập kinh Hiền Hộ phần (大方等大集經賢護分), 5 quyển, Tam tạng Xà-na-quật-đa (Jñānagupta) người Thiên Trúc dịch vào đời Tuỳ, ĐTK/ĐCTT tập 13, n^o 416.

“Bốn chúng đệ tử nguyện cầu vãng sanh Tây phương mà lòng vẫn còn do dự, chưa quyết định, thì niệm danh hiệu Phật Dược Sư, chắc chắn đoạn được lưới nghi, đến lúc lâm chung, sẽ có tám vị Đại Bồ-tát hiện ra trước mặt tiếp dẫn vãng sanh.

+ Kinh *Di-đà* ghi: “Chư Phật ở những cõi khác đều khen ngợi Đức Phật Thích-ca có khả năng ở trong thế giới đầy đầy năm điều xấu ác mà nói pháp môn rất là khó tin. Chư Phật ở trong sáu phương đều hiện tướng lưới rộng dài để chúng mình và khen ngợi pháp môn này.

+ *Quán kinh* ghi: “Phu nhân Vi-đề-hi vì thấy cuộc đời đầy đầy năm điều xấu ác, bất thiện, chúng sanh bị năm thứ khổ não¹ bức bách, nên phát nguyện vãng sanh Tịnh độ”. Ba phẩm cuối của kinh này nói rằng, những người tạo đủ mọi nghiệp ác mà biết niệm Phật thì đều được vãng sanh hết.

+ Kinh *Vô lượng thọ* ghi: “Thích-ca Như Lai vì chúng sanh sống trong đời ngũ trược mà thuyết pháp, khiến cho tất cả đều được thoát khỏi năm đường ác, trừ năm thứ khổ, dập tắt năm thứ thiêu đốt². Lại nữa, trong đời vị lai, khi tất cả các

¹ Sanh, lão, bệnh, tử gom chung thành một nỗi khổ, hai là ái biệt ly khổ, ba là oán tăng hội khổ, bốn là cầu bất đắc khổ, năm là ngũ ấm xí thành khổ.

² Chúng sanh gây tạo năm nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu nên bị trôi lăn trong lục đạo luân hồi, chịu bao nhiêu thống khổ như thiêu như đốt, nên gọi là ngũ thiêu.

kinh điển đều bị tiêu diệt hết, thì Ta vì lòng từ bi miễn đặc biệt lưu giữ lại một bộ kinh này, duy trì một trăm năm, khi ấy, nếu chúng sanh nào phải khởi một niệm tin tưởng thì đều được vãng sanh Tịnh độ”.

Hỏi:

Những kinh sách đã dẫn ở trên đều do Phật nói, tất nhiên là không phải hư dối. Chưa biết của phương tiện của nó, xin hãy nói cho hết ý!

Đáp:

Lời của đại nhân nói tất hợp với chân lý, đúng với kinh điển. Đây đều là pháp cứu cánh, không phải thuộc kinh điển bất liễu nghĩa.

Trong pháp hội niết-bàn, Đức Phật nhiều lần nhắc nhở đại chúng ai còn hoài nghi thì mau thưa hỏi, nhất là về pháp môn Tịnh độ; tại rừng sa-la không còn điều nghi ngờ nào mà không được giải quyết. Chư Phật trong mười phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài để ấn chứng pháp môn này. Căn cứ những điều này thì biết pháp môn Tịnh độ không phải là pháp phương tiện, mà là pháp cứu cánh.

Trên thì lược dẫn từ kinh điển, nói rõ nhân duyên, dưới thì trình bày lời Tổ giải thích rõ ràng để trừ hẳn mọi nghi. Chư Phật chỉ dùng một thứ ngôn ngữ để thuyết pháp mà tất cả chúng sanh đều hiểu, vạn loại hữu tình không loài nào là không khế ngộ. Bồ-tát Địa Tạng phát

nguyện rộng lớn cứu độ chúng sanh trong đường ác; Đức Phật Di-đà với lòng đại bi, dùng mười niệm để tiếp dẫn muôn loài. Không cầu sanh về Tịnh độ e rằng đoạ lạc tam đồ. Khi đoạ lạc trong tam đồ rồi niệm danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng, đó là ở trong cái khổ hy vọng được cứu độ. Còn nay khuyến khích mọi người chuyên tâm niệm Phật Di-đà, thệ nguyện vãng sanh Tây phương, đến khi lâm chung, chư Phật lập tức đến tiếp dẫn, liền được sanh về Tịnh độ, thoát khỏi hẳn ba đường ác, không phải trải qua sự đau khổ, khỏi phải mất công nhọc sức kêu cứu.

Tông yếu của sự phân chia Phật pháp thành ba thời kỳ là căn cứ vào căn cơ và thời gian mà nói. “Một ngàn năm trăm sau (Phật niết-bàn), không tu tịnh nghiệp, giả sử có người tu thì mọi công hạnh đều thành tựu, đó là giai đoạn thứ hai, không phải nghiệp của chúng sanh hạ phẩm”. Nay xem xét cái ý này, có người cho là thuyết cho bậc thượng căn tu hành, (nhưng thật ra, ý của câu nói ấy là), trong ba phẩm vãng sanh chỉ mới nói rõ người vãng sanh bậc thượng và trung. Pháp môn Tịnh độ không phân biệt sự tu tập có định tâm hay tán loạn, tạo nghiệp nhẹ hay nặng, tất cả đều được vãng sanh Cực Lạc.

Những người xuất gia thanh tịnh trong chúng, những kẻ tại gia bình thường hay quý tộc, những người mai danh ẩn tích, yên tĩnh, tán

loạn... đều có thể tu niệm Phật và nhất định đều được vãng sanh.

Tâm không màng danh lợi, việc công, việc tư đều để bên ngoài, không tham chúc vụ thế gian, một lòng học đạo, tinh tấn tu hành... người này sẽ đầy đủ tam phước, nhất định vãng sanh Tịnh độ.

Gia nghiệp đủ thiếu, sự nghiệp buộc ràng... một mực tùy duyên, những người này cũng được vãng sanh Tịnh độ.

Đời nay tạo tội, cho đến phạm tội xiển-đề¹, đến lúc đại nạn lâm đầu, cạnh kề cái chết, muôn khổ bức bách, chợt gặp được thiện hữu khuyên dạy niệm Phật, các tướng ác được tiêu trừ, lập tức được vãng sanh Tịnh độ.

Người có thiện căn đại thừa, tức là những bậc từ Sơ địa Bồ-tát lên đến Thập địa Bồ-tát, tùy theo kết quả tu tập sâu cạn, được vãng sanh vào ba phẩm bậc thượng. Những người căn trí tiểu thừa thì từ mới phát tâm hướng thiện cho đến đạt được Thế đệ nhất pháp², được vãng sanh vào ba phẩm bậc trung. Những người còn lại không thuộc căn cơ đại thừa và tiểu thừa, tùy nghiệp nặng nhẹ mà vãng sanh vào ba phẩm bậc hạ.

¹ Xiển-đề: Không tin nhân quả.

² Thế đệ nhất pháp: Chỉ cho giai vị Gia hành thứ 4 trong 4 giai vị Gia hành, là giai vị tốt cùng của trí hữu lậu, cũng là pháp thù thắng nhất trong các pháp thế gian.

Như vậy, tùy theo sự tu tập, hành đạo cạn, sâu, tạo nghiệp nặng, nhẹ... nếu có thể phát tâm bồ-đề, nguyện sanh về Tịnh độ, thì theo nghiệp nhiều ít, tất cả đều được vãng sanh vào một trong ba bậc thượng, trung, hạ phẩm, mỗi phẩm lại có ba bậc thượng, trung, hạ phẩm, vị chi có tất cả chín phẩm. Do đó, đừng có thiên chấp vào bất cứ một khía cạnh nào phát sanh nghi ngờ đối với pháp môn Tịnh độ.

Lại nói, nay là thời kỳ thế giới đầy dẫy những điều xấu ác, không thích hợp cho người niệm Phật nguyện sanh Tịnh độ. Điều này không có căn cứ. Bởi kinh *Đại vô lượng thọ* có ghi: “Khi tất cả kinh điển đều bị tiêu diệt hết, Đức Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sanh mà đặc biệt lưu giữ lại bộ kinh này thêm một trăm năm nữa. Bấy giờ, nếu chúng sanh nào nghe đến danh hiệu của Phật A-di-đà mà phát khởi lòng tin thì đều được sanh về thế giới của Ngài”.

Như vậy, rõ ràng giáo pháp mà Đức Như Lai thuyết giảng đem đến lợi ích lớn nhất cho chúng sanh chính là một vạn năm thời mạt pháp. Khi ấy tất cả kinh điển đều đã mất hết rồi, chỉ còn lại một bộ kinh duy nhất là kinh *Vô lượng thọ*, cho nên lợi ích của nó càng lớn hơn nữa. Đức Phật Thích-ca đặc biệt lưu lại kinh này thêm một trăm năm, cho nên đây là bộ kinh cứu độ chúng sanh đời mạt pháp. Trong suốt một vạn năm thời mạt pháp, tất cả kinh điển từ từ mất dần, Đức Phật Thích-ca

thương xót chúng sanh lưu lại kinh này thêm một trăm năm, mà đặc biệt là lúc bảy giờ hể bất kỳ chúng sanh nào có thể tu nhân niệm Phật thì quả chúng đều là vãng sanh Tịnh độ.

Thâm nhập kinh văn này rồi thì đủ khả năng diệt trừ mối hoài nghi. Chớ chấp giữ những tri giác thiên lệch của mình mà đánh mất cơ hội thông đạt nghĩa lý kinh điển.

12

Theo *Nhiếp đại thừa luận*¹, trong phần giải thích ý nghĩa về sự khác thời, nói rằng: Chỉ cần phát nguyện thì thế là vãng sanh thế giới Cực lạc. Đây là ý thú khác thời².

Hỏi:

Cứ theo *Nhiếp luận*, sự phân chia thời gian khác nhau như thế, thì nay dạy người niệm Phật như thế nào liền được vãng sanh?

Đáp:

Sự giải thích về ý nghĩa khác biệt thời gian của *Nhiếp luận* cùng với pháp môn Tịnh độ có gì sai khác đâu? Nay phát nguyện tức là chưa vãng sanh. Y theo nguyện mà niệm Phật, lâu ngày mới

¹ Nhiếp đại thừa luận 攝大乘論 (S. Mahāyāna-saṃgraha), Vô Trước (無著, Asanga) tạo, ĐTK/ĐCTT tập 31, số 1592-1594.

² Đoạn này *Nhiếp luận* giải thích bốn ý và bốn y. Bốn ý là ý bình đẳng, ý khác thời, ý khác nghĩa và ý chúng sanh ưa muốn dục lạc (xem *Nhiếp luận*, sđd, trang 121b).

kết thành tịnh nghiệp, phát nguyện trước, thực hành sau, như vậy gọi là thời gian khác nhau, chứ đâu có nghĩa niệm Phật là không được vãng sanh!

13

*Kinh Pháp Hoa*¹ có ghi: Người với tâm tán loạn, vào trong tháp miếu Phật, mà niệm ‘Nam Mô Phật’, dù chỉ cho một niệm, thì nhất định người ấy, đều đã thành Phật đạo².

Hỏi:

Kinh nói, người với tâm tán loạn mà niệm được một danh hiệu Phật thì đã thành tựu được quả vị Phật, vậy tại sao suốt một đời niệm danh hiệu Phật mà chỉ sanh được Tịnh độ?

Đáp:

Người với tâm tán loạn niệm danh một danh hiệu Phật đã có thể thành Phật, đạo lý này không sai, cho nên một đời niệm Phật được sanh Tịnh độ lại càng không thể hư dối được.

14

Nói gọn nhưng rõ ràng về cách tu của pháp môn này.

Hỏi:

¹ Kinh pháp hoa, nói đủ là kinh Diệu pháp liên hoa (S. Saddharma-puṇḍarīka sūtra), 7 quyển, Cưu-ma-la-thập dịch, ĐTK/ĐCTT tập 9, số 0262.

² Xem kinh Pháp hoa, phẩm Phương tiện.

Tông Tịnh độ xác minh rõ ràng niệm Phật là cái nhân cho sự vãng sanh, nhưng nếu chưa tỏ được tự tâm làm sao hiểu được việc ấy? Phương pháp niệm Phật làm sao biết được để hành trì?

Đáp:

khước tâm vô tể, số kiếp thi thi. Giả sử có tu nhân thì phần nhiều hư dối, rất ít thực chất, chỉ mong cầu danh lợi, vọng chấp ngã nhân, dù có làm nhiều việc từ thiện thì cũng chẳng phù hợp với chánh pháp, do đó nên cứ mãi trầm luân trong đường ác, nhận chịu khổ đau vô cùng. Thánh chủ Di-đà lưu lại hồng danh nhiếp hoá chúng sanh, quả vị thành Phật, đến nay đã hơn mười kiếp. Chúng ta ngu si mê muội, chỉ có tham lam gây tạo nhiều điều ác, dù có học Phật pháp, hiện đời cũng chỉ để cầu danh, cầu lợi, luôn cho mình là đúng, người khác là sai, thường sanh tâm ngạo mạn, tìm kiếm áo cơm, ngày đêm lao nhọc, ví thử có chút thời gian rảnh rỗi cũng đã cùng theo bạn xấu. Nếu đã không gặp được thiện hữu tri thức thì làm sao nghe biết đến Tịnh độ? Một mai vô thường lại quay về đường ác.

Nay đã gặp được bậc thiện tri thức lớn, có duyên với mình, khuyên mình phải biết suy nghĩ đúng đắn, bỏ đi những việc làm ác, lại được nghe đến danh hiệu Phật A-di-đà. Ngài vốn có hạnh nguyện từ bi, từ hơn mười kiếp đến nay thường hoằng dương chánh pháp, nhưng vì chúng ta ngu si mê muội, nghiệp chướng sâu dày nên đến bây

giờ mới được nghe danh. Thương xót phận mình, ruột đau như cắt, vừa xấu hổ, vừa giận sao bấy lâu cứ sống hoài trong tham lam, sân hận, si mê?!

Bây giờ đã biết tu tập, xin tu bốn điều, lấy bốn điều này làm chánh nghiệp:

Thứ nhất là tu lâu dài, nghĩa là từ khi mới phát tâm cho đến khi thành đạo bồ-đề thường gieo nhân với Tịnh độ, trọn đời không thay đổi.

Thứ hai là tu hạnh giữ lòng cung kính. Có năm đối tượng cần phải cung kính.

- Một là cung kính Thánh nhân hữu duyên, trong khi đi đứng nằm ngồi không bao giờ quay lưng lại với Tây phương; không hướng về phía tây mà khóc lóc, khạc nhổ, đại tiểu tiện...

- Hai là cung kính hình tượng và kinh sách. Không nên chưng thờ nhiều tranh tượng, chỉ cần thờ một tượng Phật Di-đà, hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí là được rồi. Kinh sách thì chỉ cần một bộ kinh Di-đà, bao bọc cho trang nghiêm bằng vải ngũ sắc, tự mình tụng đọc và dạy người khác cùng tụng đọc. Tất cả hình tượng và kinh sách này nên an trí trong một cái phòng riêng thanh tịnh và trang nghiêm, mỗi ngày sáu lần lễ bái, hương hoa cúng dường, hết lòng thành khẩn.

- Ba là cung kính Thiện tri thức hữu duyên, nếu có người giảng kinh Tịnh độ, dù ở xa mười dặm hay thậm chí ngàn dặm cũng nên cố gắng đến nghe, hết lòng kính trọng, thân cận cúng

đường; đối với các bạn học khác cũng như những bậc thầy tu học khác cũng phải hết lòng kính trọng, dù họ không cùng pháp môn với mình, khi nào trong tâm cũng tỏ lòng kính trọng sâu sắc, nếu sanh tâm khinh mạn thì mang tội nặng vô cùng. Cho nên cần phải tu tập hạnh cung kính đối với tất cả mọi người mới có thể tiêu trừ được những chướng duyên trên bước đường tu học.

- Bốn là cung kính các bạn đồng tu tịnh nghiệp. Bản thân mình nghiệp chướng nặng nề, do đó tự lực tu hành rất khó, vì vậy mà phải nương nhờ các bạn đồng tu, để giúp đỡ lẫn nhau, hỗ trợ nhau mà tu. Cho nên phải kính trọng những người bạn đồng tu, hỗ trợ duyên lành cho nhau, tôn trọng lẫn nhau.

- Năm là cung kính Tam bảo. Tam bảo vốn đồng thể tánh nhưng thể tướng khác nhau, đều phải hết lòng cung kính. Người không đủ lòng cung kính thì sự tu tập còn nông cạn lắm, chưa phải là hành giả thật lòng nương theo pháp môn này. Đối tượng Tam bảo mà chúng ta cung kính ở đây là Trụ trì Tam bảo¹. Trụ trì Tam bảo là để cho những người phước duyên thiếu kém nương tựa và gieo trồng nhân duyên. Nay xin lược nói vài lời thô thiển.

¹ Tam bảo có ba bậc: Hiện tiền Tam bảo (chỉ Phật, Pháp, Tăng thời Phật còn tại thế), Trụ trì Tam bảo (chỉ Tượng Phật, Kinh sách, và chư Tăng sau Phật diệt độ), Nhất thể Tam bảo (hay Đồng thể Tam bảo, chỉ Tam bảo trong tự tánh của mỗi chúng sanh).

Phật bảo hiện nay là những pho tượng được điêu khắc từ gỗ thơm, vàng, ngọc, đá. Đây là những linh tượng, rất đặc biệt và xứng đáng để phụng thờ. Chiêm ngưỡng tượng Phật, dù chỉ trong chốc lát, cũng có thể tiêu trừ tội lỗi, tăng trưởng phước huệ. Ngược lại, nếu sanh tâm khinh mạn, dù chỉ là một niệm, thì tội lỗi thêm lớn, phước thiện mất hết. Chỉ cần quán tưởng tôn dung pho tượng tương lai cũng sẽ thấy được kim thân thật của Phật.

Pháp bảo hiện nay là ba tạng kinh, luật, luận thâu gom tất cả những lời dạy của Đức Phật, là nơi lưu xuất pháp giới, danh cú văn tự được giải thích rõ ràng, làm phát sanh sự hiểu biết, cho nên phải đặc biệt trân quý. Để phát triển trí tuệ thì nên biên chép kinh điển. Trong tịnh thất thường an trí kinh điển trong tủ trang nghiêm, thường xuyên tôn kính; lúc tụng đọc thân thể phải tắm gội thanh tịnh.

Tăng bảo thì Bồ-tát, Thánh tăng hay Tăng phá giới phạm trai... đều phải khởi tâm cung kính bình đẳng như nhau, chớ có khởi sanh ý niệm khinh mạn.

Thứ ba là tu không gián đoạn: tức là niệm Phật liên tục, trong tâm khi nào cũng mong muốn được trở về Tịnh độ. Ở mọi nơi mọi lúc, tâm thường tưởng nhớ quê hương Cực Lạc, giống như một người tha hương cầu thực, làm thuê cuộc mướn xứ lạ quê người, chịu bao nhiêu điều tủ nhục không thể nào tả nổi, chợt chạnh lòng nhớ

mẹ nhớ cha, mong muốn được quay về quê hương, nhưng khổ nỗi không đủ điều kiện để trở về, do đó mà đành ở lại đất khách, ngày đêm tưởng nhớ quê nhà, khổ đau không thể nào nói hết! Lòng tưởng nhớ cha mẹ không lúc nào tạm nguôi, cho đến một ngày có đủ điều kiện, lập tức trở về quê cũ, gặp lại mẹ cha, tha hồ vui sướng. Hành giả niệm Phật cũng y như vậy. Cái nhân phiền não đã gieo từ trước làm cho thiện tâm hư nát, gia tài trần bảo phước trí đều bị mất hết, lâu nay trôi lăn trong sanh tử luân hồi, mất hết tự do mà không sao cưỡng lại được, lại thường làm bạn với ma vương, rong ruổi trong sáu đường, cả thân tâm cùng khổ. Ngày nay gặp được duyên lành, chợt nghe danh Từ phụ Di-đà, Ngài chưa bao giờ trái lời thề nguyện rộng lớn sâu xa, cứu độ tất cả chúng sanh, cho nên ngày đêm gấp rút phát tâm nguyện vãng sanh, nỗ lực tinh cần không hề mệt, thường nhớ ơn Phật cho đến trọn đời, niệm niệm liên tục, không hề gián đoạn.

Thứ tư là không tu pháp môn nào khác. Chỉ một lòng cầu sanh Cực Lạc, lễ niệm Di-đà, còn tất cả những pháp môn khác không nghĩ tới để tâm không bị tạp niệm.

Kết Luận

Chúng ta sanh ra trong thời kỳ mạt pháp, cách Phật xa thánh quá xa, đạo lý Tam thừa không có cách chi để khế ngộ. Chúng sanh hai cõi Trời, Người đều xáo động không yên, nên chỉ có những

người trí tuệ cao siêu, tình thương rộng lớn mới có khả năng ở lại lâu dài, còn những kẻ nhận thức mê mờ, đức hạnh cạn mỏng, sợ bị chìm đắm trong u đồ ắt phải gấp rút thoát khỏi Ta-bà, gởi thần thức về nơi cõi Tịnh. Ngưỡng nguyện đồng duyên chánh sự, kính phát thân tâm nương theo một pháp môn này, cắt trừ mối họa.

Mong đừng để tâm vướng vào danh lợi thế gian, chuốc lấy lao nhọc, lo lắng vô cùng. Đạo An và Huệ Viễn là hai vị cao tăng đời nhà Tấn, đạo phong vang khắp bốn phương, rốt cuộc chẳng khác gì tia điện chớp. Tăng Triệu, Đạo Sinh là hai vị danh tăng đức độ xuất chúng từng theo học với Đại sư Cưu-ma-la-thập, rốt cuộc cũng như Càn thành¹.

Văn chương diễn giảng tam không, cửu đoạn², lý sâu lời đẹp; giáo nghĩa thập địa, ngũ tu³ ý nghĩa uyên áo, văn từ mệnh mông. Công đức không phải một sớm một chiều, nghiệp thành đâu phải chỉ vài ý nghĩ. Trong mỗi sát na tích lũy ý

¹ Càn thành, nói đủ là Càn-thát-bà thành. Luận Đại Trí độ ghi: Buổi sáng khi mặt trời mới mọc, nhìn về phía biển thấy cửa thành, lâu đài, cung điện, người ra người vào... đến khi mặt trời cao thì tất cả đều biến mất hết, những gì mắt nhìn thấy hoàn toàn là giả, nên gọi là Càn-thát-bà thành.

² Tam không là nhân không, pháp không và nhân pháp đều không. Cửu đoạn là cắt đứt chín hoặc, đó là đoạn trừ được tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến, nghi, vô minh của khổ đế; và đoạn trừ được tà kiến, kiến thủ kiến, nghi, vô minh của tập đế.

³ Tức ý nghĩa của Thập địa Bồ-tát và ngũ trùng duy thức.

niệm nhiều như cát bụi, bởi vậy cho nên chín chỗ chúng sanh ở tâm thường tạo cảnh, cảnh hiện trong tâm, hoá ra cả hai đều ảo hoá. Thức biến hiện đủ thứ tà ma, nó là nguồn gốc của mọi vọng tưởng.

Đời người quá ngắn, đợi cho đến lúc gặp được bậc có trí tuệ chân thật e rằng đường chết không đợi mình! Vả chăng, bình tâm mà nói, thế trí biện thông chỉ tạo thêm nhiều nghiệp, chi bằng an thần niệm phật, chỉ tu học một pháp môn này?

Xoay vần đến kiệt sức ở cõi đời nhảm ô này chi bằng dạo chơi nơi vườn thượng uyển ở Lạc Bang? Thần về Tịnh độ, thân như hư không, thể như vô cực ở trong Kim đài, cùng chứng diệu đạo, diện kiến Từ nhan; bẻ gãy nghi ngờ, hoài nghi trút sạch khi vừa nghe được âm thanh từ bi của Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí, ngay đó chứng quả vô sanh.

Biết bao nhiêu điều lợi ích, không thể nói hết, chỉ xin lược vài lời như vậy.



Chư tăng và Phật tử chùa Vạn Hạnh

**Phát tâm ấn tống quyển sách
“Tịnh độ yếu quyết”**

nguyện đem công đức này
hồi hướng cầu siêu cho hương linh:

Nguyễn Thị Cương - Đồng Kim

Thái Khải Viễn - Thiện Lão

Nguyễn Thị Kim Hương

Cùng pháp giới đa sanh phụ mẫu

Vãng sanh Tịnh độ

Cầu an cho cụ bà:

Hồ Thị Mận

Cùng thiện nam tín nữ Phật tử chùa Vạn Hạnh

bồ-đề tâm kiên cố
nhất tâm niệm Phật

TỊNH ĐỘ YẾU QUYẾT

Soạn giả: Thích Nguyên Hùng

Vi tính: Hạo Nhiên

Trình bày bìa: Thân Dũng Xuất